

Số: /KH - SGDDĐT

Quảng Ninh, ngày tháng 01 năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai Học bạ số cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2024-2025

Căn cứ Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 19/02/2024 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Quảng Ninh về triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Thực hiện công văn số 119/BGDDĐT-GDPT ngày 10/01/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc hướng dẫn thực hiện Học bạ số cấp tiểu học;

Tiếp theo Công văn số 4055/SGDDĐT-GDPT ngày 23/12/2024 của Sở GDĐT về việc báo cáo điều kiện triển khai thực hiện Học bạ số cấp tiểu học năm học 2024-2025 và thí điểm Học bạ số cấp THCS, THPT và GDTX;

Căn cứ kết quả triển khai thí điểm học bạ số cấp tiểu học năm học 2023-2024 và báo cáo về điều kiện triển khai thực hiện Học bạ số cấp tiểu học năm học 2024-2025 của các Phòng GDĐT¹, Sở GDĐT xây dựng Kế hoạch triển khai Học bạ số cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2024-2025, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tăng cường thực hiện chuyển đổi số trong ngành giáo dục theo Quyết định số 131/QĐ-TTg², đáp ứng nhiệm vụ chuyển đổi số quốc gia theo Quyết định số 06/QĐ-TTg³;

¹ Kết quả: 221/221 trường phổ thông có cấp tiểu học cơ bản đảm bảo các điều kiện triển khai Học bạ số năm học 2024-2025, cụ thể:

- Về chữ ký số: (cơ bản đảm bảo)

+ CBQL có chữ ký số: 452/477 (chiếm 94,76 %); CBQL chưa có chữ ký số: 25/477 (chiếm 5,24%). **Lí do:** GBQL mới được bổ nhiệm hoặc luân chuyển điều động.

+ Giáo viên có chữ ký số: 5727/6133 (chiếm 93,38%); Giáo viên chưa có chữ ký số: 406/6133 (chiếm 6,62%)

- Về máy tính kết nối mạng internet, phần mềm quản lý nhà trường: Đảm bảo

- Về nhân lực: Đảm bảo về nhân lực, đội ngũ giáo viên có chuyên môn, kỹ năng làm việc với dữ liệu số, nền tảng công nghệ số.

- Về mã định danh cá nhân/căn cước của Học sinh:

+ Học sinh có mã định danh cá nhân/căn cước: 122.924/123.070 (chiếm 99,88%);

+ Học sinh chưa có mã định danh cá nhân/căn cước: 146/123.070 (chiếm 0,12%). **Lí do:** Học sinh đăng ký khai sinh ở nước ngoài; Học sinh chuyển từ tỉnh khác về, học sinh được nhận làm con nuôi...đang làm mã định danh.

² Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 (viết tắt là Quyết định số 131/QĐ-TTg).

³ Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 (viết tắt là Đề án số 06); Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 19/02/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh về triển khai thực hiện Đề án

- Triển khai Học bạ số cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo mô hình kỹ thuật Bộ GDĐT thống nhất quy định; góp phần đổi mới mạnh mẽ quản lý nhà nước gắn với chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Nâng cao hiệu quả thực hiện cải cách thủ tục hành chính liên quan đến học bạ trên môi trường số; tăng cường hiệu quả quản lý, giảm áp lực cho giáo viên và cán bộ quản lý về hồ sơ, sổ sách; tiết kiệm chi phí và thuận tiện, minh bạch, hiệu quả trong thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn (chuyển trường, tuyển sinh,..) và đáp ứng các nhu cầu của xã hội, tổ chức, cá nhân trong việc xác thực thông tin liên quan đến học bạ.

2. Yêu cầu

- Thực hiện Học bạ số theo mô hình kỹ thuật thống nhất, liên thông trong bậc học phổ thông⁴ bảo đảm về nội dung, giá trị pháp lý theo quy định pháp luật liên quan để thay thế học bạ giấy trong quản lý, sử dụng; bảo đảm lưu trữ đầy đủ, chính xác thông tin về kết quả học tập, rèn luyện của học sinh trong quá trình học tập tại các cơ sở giáo dục; nhất quán, toàn vẹn thông tin khi Học bạ số đã được phát hành (*không thể thay đổi thông tin*); bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật thông tin cá nhân theo quy định của pháp luật⁵.

- Học bạ số phải được xác thực điện tử theo quy định⁶ để có giá trị pháp lý khi sử dụng và thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến học bạ trên môi trường số; bảo đảm thuận tiện trong việc sử dụng, quản lý, tra cứu, xác thực học bạ trực tuyến; bảo đảm kỹ thuật để xuất ra bản thể hiện (bản mềm) và in được trên giấy theo mẫu học bạ được Bộ GDĐT quy định về học bạ giấy (viết tắt là bản giấy Học bạ số) để sử dụng trong một số trường hợp cụ thể.

- Thực hiện triển khai Học bạ số ở cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2024-2025. Khi triển khai Học bạ số không phát sinh chi phí đối với người học. Đối với các cơ sở giáo dục chưa đủ điều kiện hạ tầng công nghệ thông tin (*máy tính, đường truyền, internet,...*), cá nhân học sinh chưa có mã định danh cá nhân/ căn cước để triển khai Học bạ số thì được tiếp tục sử dụng Học bạ giấy theo quy định hiện hành và phải báo cáo, sớm có giải pháp thực hiện Học bạ số. Đối với Học bạ số của học sinh trong thời gian thí điểm.

II. NỘI DUNG

- Học bạ số là học bạ được số hóa, tạo lập, lưu trữ, quản lý và sử dụng trên môi trường số, được ký xác thực điện tử của cá nhân và tổ chức có thẩm quyền;

phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

⁴ Tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông

⁵ Nghị định số 13/2023/NĐ-CP của Chính phủ về Bảo vệ dữ liệu cá nhân; Nghị định số 85/2016/NĐ-CP của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông về Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

⁶ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số (Nghị định số 130/2018/NĐ-CP) và Nghị định số 48/2024/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2018/NĐ-CP; Nghị định số 68/2024/NĐ-CP của Chính phủ về Quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ; Thông tư số 41/2017/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông về Quy định sử dụng chữ ký số cho văn bản điện tử trong cơ quan nhà nước.

bảo đảm các quy định của pháp luật liên quan để có giá trị pháp lý khi sử dụng trên môi trường số.

- Nội dung thể hiện trên Học bạ số là các thông tin cá nhân của học sinh và kết quả học tập rèn luyện theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về quy định đánh giá học sinh tiểu học và các thông tin: mã số tra cứu học bạ; mã số định danh và ngày có hiệu lực của Học bạ số.

III. TẠO LẬP, QUẢN LÝ, PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG HỌC BẠ SỐ

1. Tạo lập, quản lý và phát hành Học bạ số

- Học bạ số được tạo lập từ cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục (gọi là CSDL) bởi các phần mềm có chức năng tạo lập Học bạ số, bảo đảm cấu trúc gói tin dùng để trao đổi thông tin (giao dịch điện tử) theo quy định của Bộ GDĐT, có ký số của giáo viên chủ nhiệm, người đứng đầu cơ sở giáo dục để xác thực giao dịch điện tử, bảo đảm kết nối dữ liệu Học bạ số về CSDL Học bạ số của Bộ GDĐT để phục vụ quản lý và khai thác sử dụng.

- Các cơ sở giáo dục thực hiện tạo lập, phát hành, quản lý Học bạ số và chịu trách nhiệm toàn diện về tính đầy đủ, chính xác của học bạ đối với học sinh học tập tại trường. Khi học sinh chuyển trường, thực hiện chuyển giao Học bạ số theo quy trình, thủ tục quy định.

- Hàng năm, Học bạ số của cơ sở giáo dục được đóng gói gửi về CSDL Học bạ số của Bộ GDĐT để cập nhật lên Cổng tra cứu Học bạ phục vụ truy cập, tra cứu học bạ toàn quốc tại 02 thời điểm sau:

+ **Trước ngày 15/6:** Đối với học sinh đã hoàn thành Chương trình lớp học, Chương trình tiểu học;

+ **Trước ngày 15/8:** Đối với học sinh cần được đánh giá bổ sung để xét hoàn thành chương trình lớp học.

- Khi tạo lập và phát hành Học bạ số phải bảo đảm các yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ theo yêu cầu tại Phụ lục 2, Phụ lục 3 Công văn số 119/BGDĐT-GDTH ngày 10/01/2025 của Bộ GDĐT (*gửi kèm theo văn bản*) để bảo đảm thực hiện kết nối, liên thông, bảo mật, toàn vẹn thông tin.

2. Sử dụng Học bạ số

- **Sử dụng bản giấy Học bạ số:** Bản giấy Học bạ số có nội dung và thể thức in như mẫu học bạ do Bộ GDĐT quy định. Khi cần, nơi sử dụng học bạ có thể tra cứu (theo mã tra cứu được cung cấp) trên Cổng tra cứu học bạ của Bộ GDĐT để xác thực nội dung thông tin của bản giấy Học bạ số.

Lưu ý: Riêng dữ liệu Học bạ số cấp tiểu học (đối với học sinh từ lớp 1 đến lớp 4 theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018) của năm học 2023-2024 trong thời gian thí điểm, các cơ sở giáo dục sử dụng đồng thời cả học bạ giấy (được in trực tiếp từ phần mềm) và Học bạ số để đảm bảo yêu cầu sử dụng học bạ của học sinh.

- **Sử dụng Học bạ số trên môi trường số:** Học bạ số được sử dụng để thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường số. Các thủ tục hành chính trên môi

trường số (trực tuyến) sử dụng Học bạ số (bản mềm) trích xuất từ Cổng tra cứu học bạ của Bộ GDĐT.

- **Tra cứu Học bạ số:** Tổ chức, cá nhân được cấp quyền có thể tra cứu thông tin học bạ theo quy định của pháp luật trên Cổng tra cứu học bạ của Bộ GDĐT. Việc tra cứu phải đảm bảo biện pháp bảo mật, an toàn thông tin cá nhân. Thông tin về kết quả tra cứu trên Cổng tra cứu học bạ có giá trị pháp lý để xác thực.

- **Thực hiện các thủ tục hành chính:** Các phần mềm, ứng dụng, các dịch vụ công trực tuyến trong ngành Giáo dục phải bảo đảm các chức năng thực hiện các thủ tục hành chính sử dụng hoặc liên quan đến thông tin Học bạ số.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở GDĐT

- Xây dựng Kế hoạch triển khai Học bạ số cấp tiểu học theo Hướng dẫn của Bộ GDĐT; ban hành quy chế quản lý, sử dụng Học bạ số trên địa bàn tỉnh, phân cấp trách nhiệm các cấp quản lý Phòng GDĐT, cơ sở giáo dục và các tổ chức cá nhân liên quan;

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và tầm quan trọng về thực hiện chuyển đổi số trong ngành Giáo dục, trong đó có nhiệm vụ triển khai thực hiện Học bạ số. Tham mưu UBND tỉnh những nội dung liên quan đến triển khai Học bạ số tại địa phương;

- Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các Phòng GDĐT triển khai tập huấn, hướng dẫn khai thác, sử dụng hệ thống Học bạ số cho các cơ sở giáo dục.

- Kiểm tra, tư vấn, hướng dẫn các Phòng GDĐT thực hiện hiệu quả việc triển khai thực hiện Học bạ số; tập hợp ý kiến đề xuất, kiến nghị của các Phòng GDĐT báo cáo Bộ GDĐT định kì theo năm học hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

2. Các Phòng GDĐT

- Thực hiện hiệu quả công tác tham mưu UBND cấp huyện về những nội dung liên quan đến triển khai Học bạ số trên địa bàn;

- Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra các đơn vị trường học thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn triển khai các nội dung của Kế hoạch này. Phân công 01 lãnh đạo và chuyên viên/cán bộ chuyên môn tiểu học hoặc công nghệ thông tin phụ trách nội dung Học bạ số cấp tiểu học;

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc thực hiện chuyển đổi số trong ngành giáo dục, trong đó có việc triển khai thực hiện Học bạ số;

- Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước của Phòng GDĐT về Học bạ số; tổ chức tập huấn hướng dẫn, khai thác sử dụng hệ thống Học bạ số cho các cơ sở giáo dục, **trong đó đặc biệt chú ý việc cập nhật thông tin, nhận xét tại Học bạ của học sinh theo hướng dẫn tại Thông tư số 27/2020/BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT;**

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn thực hiện các nhiệm vụ về Học bạ số theo hướng dẫn; kiểm tra nắm bắt tình hình, tư vấn, hướng dẫn các cơ sở giáo dục triển khai thực hiện Học bạ số theo quy định; tập hợp kiến nghị, đề xuất của cán bộ quản lý, giáo viên trong quá trình thực hiện gửi về Sở GDĐT tổng hợp báo cáo Bộ GDĐT.

3. Cơ sở giáo dục tiểu học

- Xây dựng Kế hoạch triển khai tại cơ sở giáo dục. Phân công 01 lãnh đạo nhà trường phụ trách và giáo viên có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số làm nòng cốt để thực hiện tốt công tác triển khai Học bạ số;

- Đẩy mạnh tuyên truyền tới cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, phụ huynh, học sinh về lợi ích, ý nghĩa của Học bạ số;

- Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, thiết bị tại cơ sở để tổ chức triển khai thực hiện đúng, đủ các yêu cầu về Học bạ số trong phạm vi nhà trường (tạo lập, quản lý, sử dụng) theo quy định, hướng dẫn của Bộ GDĐT;

- Khẩn trương phối hợp với cha mẹ học sinh và các đơn vị có chức năng trên địa bàn hoàn thành việc cấp mã định danh cá nhân/căn cước cho học sinh (nếu có);

- Ban hành quy chế nội bộ về tạo lập, quản lý, sử dụng Học bạ số trong phạm vi cơ sở giáo dục; chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung và tính pháp lý của Học bạ số khi phát hành. Thực hiện ký số xác thực, đóng gói và gửi dữ liệu Học bạ số về CSDL Học bạ số của Bộ GDĐT đúng quy định và yêu cầu kỹ thuật;

- Triển khai tập huấn, hướng dẫn khai thác, sử dụng cho 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên có liên quan về sử dụng hệ thống Học bạ số, trong đó đặc biệt chú ý việc cập nhật thông tin, nhận xét tại Học bạ của học sinh theo hướng dẫn tại Thông tư số 27/2020/BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT; tập hợp kiến nghị, đề xuất của giáo viên trong quá trình thực hiện gửi về các cấp quản lý theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Học bạ số cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2024-2025. Sở GDĐT yêu cầu các Phòng GDĐT kịp thời triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng và hiệu quả. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các Phòng GDĐT liên lạc về Sở GDĐT (qua Phòng Giáo dục phổ thông) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Vụ GDTH- Bộ GDĐT (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Các Phòng GDĐT;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Giám đốc, các PGD Sở;
- Các đơn vị thuộc Sở;
- Công TTĐT;
- Lưu: VT, GDPT.

Ký bởi: Hoàng Thị Lan Hương

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trịnh Đình Hải

Ký bởi: Trương Thị Thúy Vân
Ngày ký: 14-01-2025 14:15:21 +07:00

TỔNG HỢP BÁO CÁO ĐIỀU KIỆN TRIỂN KHAI HỌC BẠ SỐ CẤP TIỂU HỌC NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SGDDT ngày /01/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Stt	Huyện, TX, TP	Trường		Tổng số lớp	Học sinh					CBQL			Giáo viên			Nhân viên			Có máy tính kết nối mạng internet (Đảm bảo đánh dấu X)	Có phần mềm quản lý nhà trường (Đảm bảo đánh dấu X)	Có nhân sự quản trị phần mềm quản lý nhà trường (Đảm bảo đánh dấu X)	Ghi chú (lí do học sinh chưa có mã định danh cá nhân/ căn cước)
		Tổng số trường phổ thông có cấp tiểu học	Trường Tiểu học		Tổng số học sinh	Trong đó, số học sinh có mã số định danh/ CCCD/CC		Trong đó, số học sinh chưa mã số định danh/ CCCD/CC		Tổng số CBQL	Trong đó, số CBQL có chữ ký số		Tổng số giáo viên	Trong đó, số giáo viên có chữ ký số		Tổng số nhân viên	Trong đó, số nhân viên có chữ ký số					
						TS	%	TS	%		TS	%		TS	%		TS	%				
1	Ba Chẽ	9	4	154	2.527	2.526	99,96	1	0,04	13	13	100,00	211	206	97,63	16	16	100,00	x	x	x	Gia đình mới nhận nuôi, chưa hoàn thiện thủ tục khai sinh
2	Bình Liêu	8	8	175	3.237	3.237	100,00	0	-	22	22	100,00	264	236	89,39	30	22	73,33	x	x	x	
3	Cẩm Phả	22	18	481	16.170	16.139	99,81	31	0,19	51	49	100,00	755	708	93,77	50	35	70,00	x	x	x	Học sinh quốc tịch nước ngoài, dữ liệu chưa đồng nhất đang chờ xử lý; gia đình đang đi làm chưa được cấp....
4	Cô Tô	3	3	31	637	636	99,84	1	0,16	5	5	100,00	45	40	88,89	8	7	87,50	x	x	x	Hoc sinh không có quốc tịch Việt nam
5	Đầm Hà	9	7	162	3.855	3.852	99,92	3	0,08	20	20	100,00	242	242	100,00	23	21	91,30	x	x	x	Học sinh quốc tịch nước ngoài, dữ liệu chưa đồng nhất đang chờ xử lý; gia đình đang đi làm chưa được cấp....
6	Đông Triều	26	22	454	14.071	14.062	99,94	9	0,06	55	55	100,00	679	679	100,00	48	43	89,58	x	x	x	Học sinh khẩu nơi khác; ko có quốc tịch Việt Nam; Chưa có giấy khai sinh...
7	Hải Hà	16	13	298	6.505	6.486	99,71	19	0,29	34	34	100,00	390	374	95,90	29	18	62,07	x	x	x	Học sinh chưa có mã số định danh do phụ huynh chưa đi làm cho con; ko có quốc tịch Việt Nam
8	Hạ Long	43	20		31.757	31.720	99,88	37	0,12	95	79	100,00	1368	1146	83,77	87	48	55,17	x	x	x	Học sinh có quốc tịch Trung Quốc; Học sinh đang làm thủ tục; gia đình học sinh gặp trục trặc nên chưa đi làm cho con...

9	Móng Cái	18	14	321	10.742	10.733	99,92	9	0,08	39	39	100,00	437	420	96,11	25	21	84,00	x	x	x	Học sinh có quốc tịch Trung Quốc; Hs đang làm thủ tục đổi tên; học sinh chưa đồng bộ được cơ sở dữ liệu...
10	Quảng Yên	22	16	402	12.742	12.727	99,88	15	0,12	45	45	100,00	604	591	97,85	53	49	92,45	x	x	x	Hs là người nước ngoài không có quốc tịch Việt nam; Gia đình một số học sinh chưa làm mã định danh cho con; số định danh bị sai đang làm lại....
11	Tiên Yên	12	6	224	5.329	5.329	100,00	0	-	24	23	100,00	336	334	99,40	16	8	50,00	x	x	x	
12	Uông Bí	19	16	321	11.177	11.168	99,92	9	0,08	45	39	100,00	529	486	91,87	34	24	70,59	x	x	x	Mẹ đi lao động nước ngoài ở với bố nhưng bố học sinh không hợp tác về việc khai báo cấp mã định danh cho con; Học sinh do đăng ký khai sinh ở nước ngoài;một số học sinh khẩu nơi khác; do công an làm sai mã chưa điều chỉnh xong....
13	Vân Đồn	14	7	170	4.321	4.309	99,72	12	0,28	29	29	100,00	273	265	97,07	42	29	69,05	x	x	x	Học sinh chưa có mã số định danh do đăng ký khai sinh ở nước ngoài; Học sinh khẩu nơi khác chưa về làm được...
Tổng		221	154	3193	123.070	122.924	99,88	146	0,12	477	452	94,76	6133	5727	93,38	461	341	73,97	x	x	x	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục 2.

*(Kèm theo Công văn số 119/BGDĐT-GDTH ngày 10 tháng 01 năm 2025
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TÀI LIỆU KỸ THUẬT
ĐẶC TẢ HỌC BẠ SỐ CẤP TIỂU HỌC
(Phiên bản 1.0, tháng 1/2025)**

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

I. Thông tin chung	3
1. Phạm vi áp dụng.....	3
2. Căn cứ, viện dẫn	3
3. Thuật ngữ và định nghĩa	4
4. Mô hình kỹ thuật triển khai học bạ số.....	4
4.1. Mô hình tổng quát.....	4
4.2. Yêu cầu học bạ số đối với phần mềm quản trị nhà trường	5
II. Quy định về định dạng dữ liệu học bạ số.....	6
1. Quy định chung về các thành phần dữ liệu học bạ số.....	6
1.1 Quy định về thẻ XML	6
1.2 Quy định về biểu diễn dữ liệu	7
1.3 Quy định về định dạng dữ liệu.....	7
1.4 Quy định về Mã định danh học bạ	7
1.5 Quy định về định dạng học bạ số.....	7
1.6 Quy định về chữ ký số.....	9
2. Quy định về giao dịch truyền nhận	10
2.1 Danh sách các loại giao dịch.....	10
2.2 Định dạng dữ liệu giao dịch gửi yêu cầu nộp báo cáo dữ liệu học bạ số	10
2.3 Định dạng dữ liệu giao dịch truy vấn kết quả nộp báo cáo dữ liệu học bạ số.....	13
2.4 Định dạng dữ liệu giao dịch đăng ký chứng thư chữ ký số	13
2.5 Định dạng dữ liệu giao dịch truy vấn kết quả đăng ký chứng thư chữ ký số	15
2.6 Định dạng dữ liệu giao dịch gửi yêu cầu thu hồi dữ liệu học bạ số.....	15
2.7 Định dạng dữ liệu giao dịch truy vấn kết quả thu hồi dữ liệu học bạ số	16
2.8 Quy định về dung lượng dữ liệu	17
III. Hướng dẫn tạo lập và phát hành học bạ số.....	18
1. Khai báo và đăng ký chứng thư chữ ký số của Cơ sở giáo dục.....	18
2. Tạo lập và phát hành học bạ số	19
3. Thu hồi học bạ số.....	21
Phụ lục 1.1. CẤU TRÚC THÔNG TIN HỌC BẠ SỐ CẤP TIỂU HỌC.....	23
Phụ lục 1.2. CÁC DANH MỤC LIÊN QUAN	31
Phụ lục 1.3. HƯỚNG DẪN HÀM MÃ HOÁ DỮ LIỆU TRUYỀN NHẬN	34

I. Thông tin chung

1. Phạm vi áp dụng

Tài liệu này quy định các yêu cầu về đặc tả kỹ thuật, định dạng cấu trúc và thành phần dữ liệu phục vụ việc truyền nhận về học bạ số, sử dụng cho triển khai học bạ số cấp Tiểu học.

Tài liệu này áp dụng cho:

- Cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo gồm: Bộ Giáo dục và Đào tạo, các sở giáo dục và đào tạo, các phòng giáo dục và đào tạo;
- Các cơ sở giáo dục (CSGD), các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Trong quá trình triển khai, căn cứ vào điều kiện và diễn biến thực tiễn, nội dung tài liệu này có thể được điều chỉnh để đảm bảo tính hiệu quả, khả thi.

2. Căn cứ, viện dẫn

Hạ tầng kỹ thuật triển khai học bạ số cần đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật trong tài liệu này và tuân thủ các căn cứ sau đây:

STT	Tên tài liệu	Ngày ban hành	Mục đích
1	Luật giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 ngày 29/11/2005 do Quốc Hội ban hành	22/06/2023	Quy định về giao dịch điện tử
2	Nghị định số 130/2018/NĐ-CP của Chính phủ	27/09/2018	Quy định chi tiết thi hành luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số
3	Nghị định số 48/2024/NĐ-CP của Chính phủ	09/05/2014	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ
4	Nghị định số 68/2024/NĐ-CP của Chính phủ	25/06/2024	Quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ
5	Nghị định số 47/2020/NĐ-CP của Chính phủ	09/04/2020	Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước
6	Nghị định số 13/2023/NĐ-CP của Chính phủ	17/04/2023	Bảo vệ dữ liệu cá nhân
7	Nghị định số 85/2016/NĐ-CP của Chính phủ	01/7/2016	Về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ
8	Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông	12/08/2022	Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ

9	Thông tư số 41/2017/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông	19/12/2017	Quy định sử dụng chữ ký số cho văn bản điện tử trong cơ quan nhà nước.
10	Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và đào tạo	04/9/2020	Quy định đánh giá học sinh tiểu học
11	Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và đào tạo	30/12/2021	Quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo
12	Quyết định số 4998/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và đào tạo	31/12/2021	Quy định kỹ thuật về dữ liệu của cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo

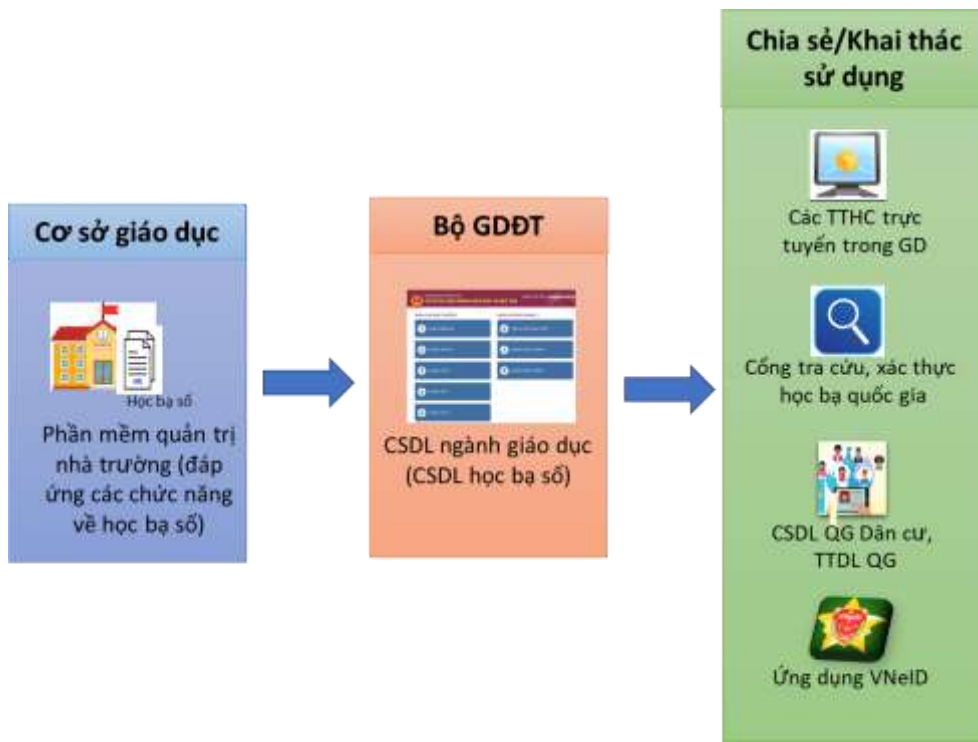
3. Thuật ngữ và định nghĩa

STT	Thuật ngữ/định nghĩa	Mô tả
1.	GDĐT	Giáo dục và đào tạo
2.	CSGD	Cơ sở giáo dục
3.	HBS	Học bạ số
4.	CCCD	Căn cước công dân
5.	CBQL	Cán bộ quản lý
6.	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
7.	GVBM	Giáo viên bộ môn
8.	UUID	Universal Unique Identifier
9.	XML	Extensible Markup Language

4. Mô hình kỹ thuật triển khai học bạ số

4.1. Mô hình tổng quát

Mô hình tổng quát các bên tham gia tạo lập, quản lý và sử dụng học bạ số như sau:



Trong đó:

- Bộ GDĐT xây dựng CSDL học bạ số (thuộc CSDL ngành) để đảm bảo việc cập nhật học bạ số từ các CSGD và phục vụ các nghiệp vụ quản lý ở trung ương như: Sử dụng học bạ số phục vụ giải quyết TTHC (ví dụ như: chuyển trường, tuyển sinh đầu cấp học); Kết nối CSDL học bạ số với CSDL quốc gia về dân cư; Triển khai Công tra cứu, xác thực học bạ quốc gia; Phối hợp cung cấp thông tin trên ứng dụng VNeID và các ứng dụng khác theo quy định.

- Phòng GDĐT/Sở GDĐT được cấp tài khoản trên Hệ thống CSDL ngành để thực hiện các nghiệp vụ giám sát các CSGD thuộc phạm vi quản lý trực tiếp tuân thủ việc cập nhật dữ liệu đảm bảo đầy đủ và các yêu cầu kỹ thuật. Ngoài ra, thực hiện việc duyệt chứng thư chữ ký số của các CSGD để đảm bảo xác thực đúng chủ thể phát hành học bạ.

- Các CSGD sử dụng phần mềm quản trị của nhà trường (đã đáp ứng các yêu cầu triển khai học bạ số của Bộ) để tạo lập, quản lý và khai thác sử dụng học bạ số ở nhà trường; đến thời hạn quy định, CSGD cập nhật đầy đủ học bạ số về không gian học bạ số tương ứng của CSGD trên Hệ thống CSDL ngành (do Bộ GDĐT quản lý).

4.2. Yêu cầu học bạ số đối với phần mềm quản trị nhà trường

Ngoài việc đáp ứng theo yêu cầu ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong quản trị nhà trường theo hướng dẫn của Bộ, theo nhu cầu của nhà trường, để triển khai học bạ số, phần mềm quản trị nhà trường cần đáp ứng một số yêu cầu như sau:

Về chức năng, nghiệp vụ:

- Cho phép nhà trường tạo lập học bạ số:
- + Cho phép nhập dữ liệu liên quan đến học bạ

+ Cho phép xuất bản, in học bạ theo mẫu của Bộ

+ Học bạ số trước khi phát hành phải có ký số của Hiệu trưởng và ký số của CSGD. Hiệu trưởng quy định và thực hiện quy chế nội bộ về nhập dữ liệu, xác thực nội bộ (trong đó có sự tham gia của giáo viên) trong xây dựng tạo lập học bạ số theo thẩm quyền.

- Cho phép quản lý, lưu trữ và khai thác, sử dụng học bạ số theo thẩm quyền của CSGD và theo quy định.

- Cho phép kết nối và cập nhật học bạ số lên Hệ thống CSDL ngành; Thực hiện các thao tác thu hồi, thay thế học bạ số với Hệ thống CSDL ngành theo quy định của Bộ.

Về kỹ thuật:

- Phần mềm phải đáp ứng các yêu cầu trong tài liệu kỹ thuật đặc tả học bạ số cấp Tiểu học của Bộ;

- Đáp ứng chuẩn dữ liệu, kết nối và trao đổi dữ liệu theo quy định thống nhất của Bộ.

- Hệ thống thông tin phải đảm bảo ATTT theo cấp độ được quy định, hướng dẫn tại Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và đảm bảo các quy định về bảo vệ, quản lý, sử dụng dữ liệu cá nhân.

Về an toàn thông tin:

- Bảo đảm quyền sở hữu thông tin, dữ liệu của CSGD; bảo đảm việc quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo đúng phạm vi thẩm quyền;

- Áp dụng các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trong quá trình khai thác, sử dụng dịch vụ, trong đó có bảo vệ dữ liệu cá nhân;

- Trong trường hợp thuê dịch vụ, cần quy định rõ trách nhiệm của bên cung cấp dịch vụ trong việc bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân; chuyển giao nguyên vẹn, đầy đủ dữ liệu cho cơ quan, đơn vị thuê khi chấm dứt hợp đồng cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin.

II. Quy định về định dạng dữ liệu học bạ số

1. Quy định chung về các thành phần dữ liệu học bạ số

1.1 Quy định về thẻ XML

- Có 02 loại thẻ được sử dụng để biểu diễn dữ liệu: thẻ phức (thẻ chỉ chứa các thẻ con) (ví dụ: <THONG_TIN_CHUNG> <MA_HOC_SINH> </MA_HOC_SINH> </THONG_TIN_CHUNG>), thẻ đơn (thẻ chỉ chứa dữ liệu) (ví dụ: <Ten>Nguyen Van A</Ten>).

- Tên thẻ được viết không dấu, được viết theo quy tắc sau:

+ Thông tin chữ ký số theo quy định Tiêu chuẩn về chữ ký số (Thông tư số 41/2017/TT-BTTTT);

+ Các trường thông tin khác được viết hoa, mỗi từ sẽ ngăn cách nhau bằng ký tự gạch dưới “_”. Ví dụ: Tên trường - TEN_TRUONG; Mã học sinh - MA_HOC_SINH.

1.2 Quy định về biểu diễn dữ liệu

- Dữ liệu được đặt trong phần nội dung của thẻ (ví dụ: <HO_VA_TEN>Nguyen Van A</HO_VA_TEN>), trong một số trường hợp có thể đưa vào phần thuộc tính của thẻ đó (ví dụ: <HOC_BA id=”123456789”/>).

- Tiêu chuẩn trình diễn bộ ký tự (Encoding): UTF-8.

- Tiêu chuẩn về bộ ký tự và mã hóa cho tiếng Việt: TCVN 6909:2001.

1.3 Quy định về định dạng dữ liệu

- Muốn biểu diễn một thẻ có giá trị Null thì không đưa cặp thẻ vào trong cấu trúc XML.

- Định dạng số: Cho phép tối đa 4 chữ số phần thập phân. Sử dụng dấu chấm (dấu .) để phân tách phần nguyên và phần thập phân (nếu có).

- Định dạng ngày tháng, thời gian: YYYY-MM-DDThh:mm:ssTZD.

Ví dụ: 2019-04-24T18:39:30+07:00

Mô tả:

YYYY = 4 số chỉ năm (2019 = năm 2019)

MM = 2 số chỉ tháng (04=Tháng 4)

DD = 2 số chỉ ngày của tháng (24 = ngày 24)

hh = 2 số chỉ giờ (Từ 00 tới 23) (không sử dụng am/pm)

mm = 2 số chỉ phút (00 tới 59) (39)

ss = 2 số chỉ giây (00 tới 59) (30)

TZD = chỉ time zone (Z hoặc +hh:mm hoặc -hh:mm)

1.4 Quy định về Mã định danh học bạ

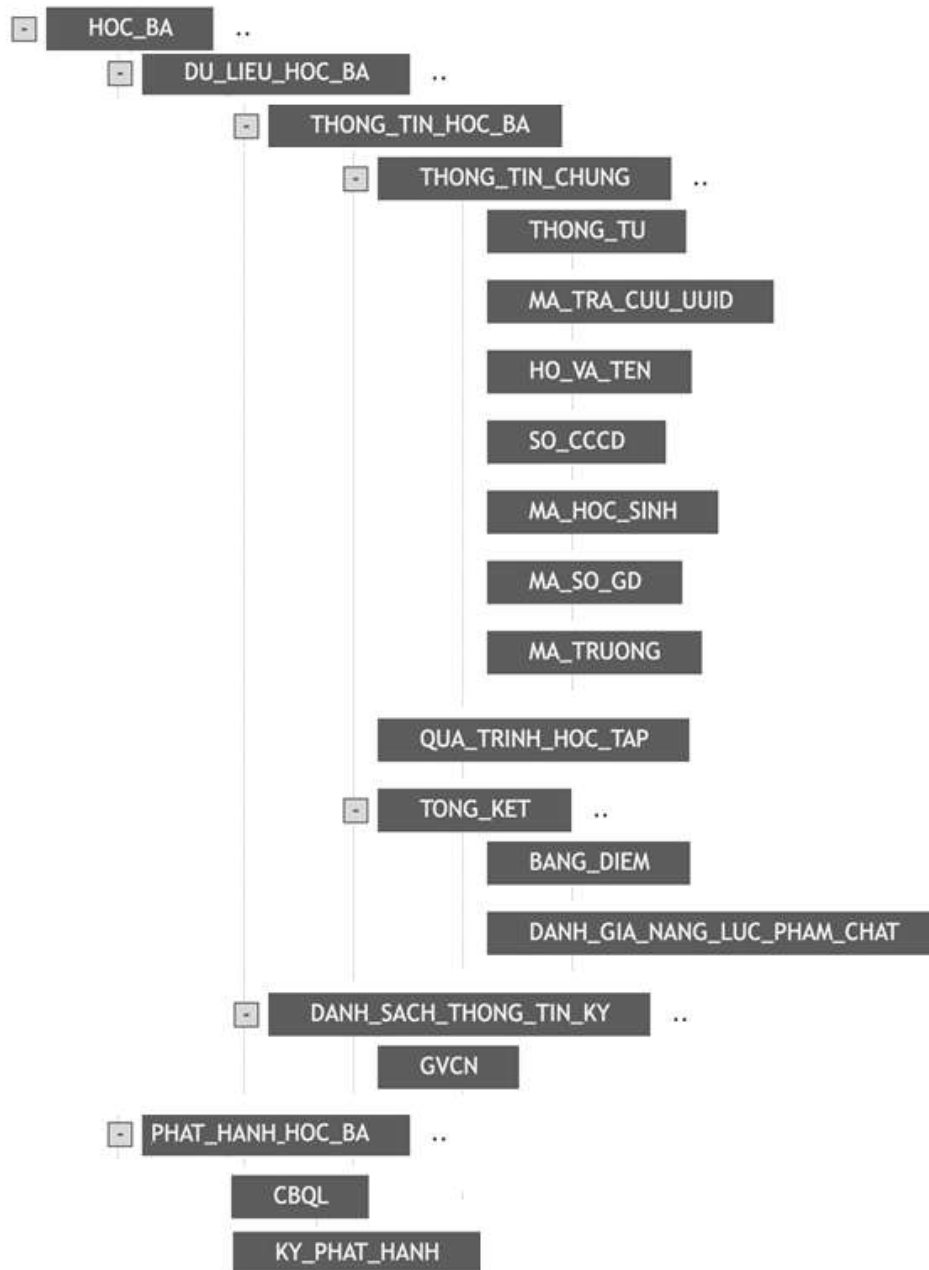
- Mã định danh học bạ là một số duy nhất UUID (Universal Unique Identifier – Mã số định danh duy nhất) có độ dài 32 ký tự chữ và 4 ký tự gạch ngang. Ví dụ: 123e4567-e89b-42d3-a456-556642440000.

- Mã định danh học bạ chỉ dùng trong quản lý kỹ thuật về học bạ. Mỗi đơn vị học bạ khi phát hành sẽ gắn với một mã định danh duy nhất, phần mềm quản trị nhà trường khi tạo lập học bạ số phải tạo ra mã này (trong trường hợp thu hồi để thay thế, đơn vị học bạ mới sẽ không sử dụng lại mã số UUID của đơn vị học bạ bị thu hồi).

- Sử dụng chuẩn thư viện UUID v4.

1.5 Quy định về định dạng học bạ số

Một học bạ số theo chuẩn XML có cấu trúc thông tin chi tiết tùy theo từng cấp học, các thành phần cơ bản như sau:



Hình 01: Mô tả định dạng dữ liệu file học bạ số XML

Trong đó các thành phần dữ liệu như sau

- Thẻ <HOC_BA> chứa toàn bộ dữ liệu của một học bạ số
- Bên trong thẻ <HOC_BA> được tổ chức thành 02 thành phần:
 - Thẻ <DU_LIEU_HOC_BA>: Toàn bộ dữ liệu về học bạ số do CSGD tạo lập.
 - Thẻ <PHAT_HANH_HOC_BA>: Danh sách chữ ký số phát hành học bạ, gồm chữ ký số hiệu trưởng nhà trường (thẻ <CBQL>), chữ ký số của CSGD (thẻ <KY_PHAT_HANH>).

- Bên trong thẻ <DU_LIEU_HOC_BA> gồm 02 phần chính:

- Thẻ <THONG_TIN_HOC_BA>: Chứa toàn bộ thông tin về hồ sơ cá nhân và kết quả học tập, rèn luyện của học sinh.
- Thẻ <DANH_SACH_THONG_TIN_KY>: Chứa chữ ký số của giáo viên chủ nhiệm lớp học (thẻ <GVCN>).

- Bên trong thẻ <THONG_TIN_HOC_BA> gồm 3 phần chính:

- Thẻ <THONG_TIN_CHUNG>: Chứa các thông tin về học sinh, nhà trường, Mã định danh học bạ.
- Thẻ <QUA_TRINH_HOC_TAP>: Thông tin quá trình học tập của học sinh (chỉ lưu thông tin trường, lớp mà học sinh đã học ở năm học kế trước hoặc năm học hiện tại nhưng có chuyển trường, chuyển lớp).
- Thẻ <TONG_KET>: Thông tin về kết quả học tập của học sinh trong năm học gần nhất.

- Các thẻ <CBQL>, <GVCN> tương ứng người cán bộ quản lý (hiệu trưởng nhà trường), giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn được gắn thuộc tính “Id” với Số CCCD của người đó.

- Chi tiết về mô tả tên thẻ, nội dung, dữ liệu các thẻ thành phần và quy cách biểu diễn hiển thị nội dung học bạ được quy định theo từng cấp học: Đối với cấp Tiểu học, cấu trúc học bạ được quy định căn cứ theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT (*xem trong Phụ lục 1.1. Cấu trúc thông tin học bạ số cấp Tiểu học*).

- Mẫu hiển thị học bạ số quy định theo từng cấp học. Mẫu hiển thị học bạ số cấp Tiểu học (01 năm học) được minh họa trong file đính kèm trong *Phụ lục 1.1*.

1.6 Quy định về chữ ký số

- Chữ ký số được sử dụng là chữ ký điện tử an toàn đáp ứng quy định tại Luật giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 ngày 22/06/2023; Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số và các văn bản hướng dẫn; Nghị định số 48/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018; Nghị định số 68/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ. Chữ ký số được đặc tả theo chuẩn *XML Signature Syntax and Processing* quy định tại Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước và Thông tư số 22/2020/TT-BTTTT ngày 07/9/2020 của Bộ thông tin và Truyền thông quy định về yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ký số, phần mềm kiểm tra chữ ký số.

- Vùng dữ liệu chữ ký số chứa thông tin thời điểm ký số (thẻ SigningTime, được đặt trong thẻ Signature\Object\SignatureProperties\SignatureProperty). Thẻ SigningTime có kiểu dữ liệu là ngày giờ có dạng YYYY-MM-DDThh:mm:ss (*xem mục 1.3 Quy định về định dạng dữ liệu*).

- Sử dụng thuộc tính URI của các thẻ Reference của chuẩn XML Signature Syntax and Processing để xác định các vùng dữ liệu cần ký số đối với từng loại dữ liệu bao gồm cả thời điểm ký số.

- Chữ ký số cần đính kèm chứng thư chữ ký số (thẻ X509SubjectName và thẻ X509Certificate).

2. Quy định về giao dịch truyền nhận

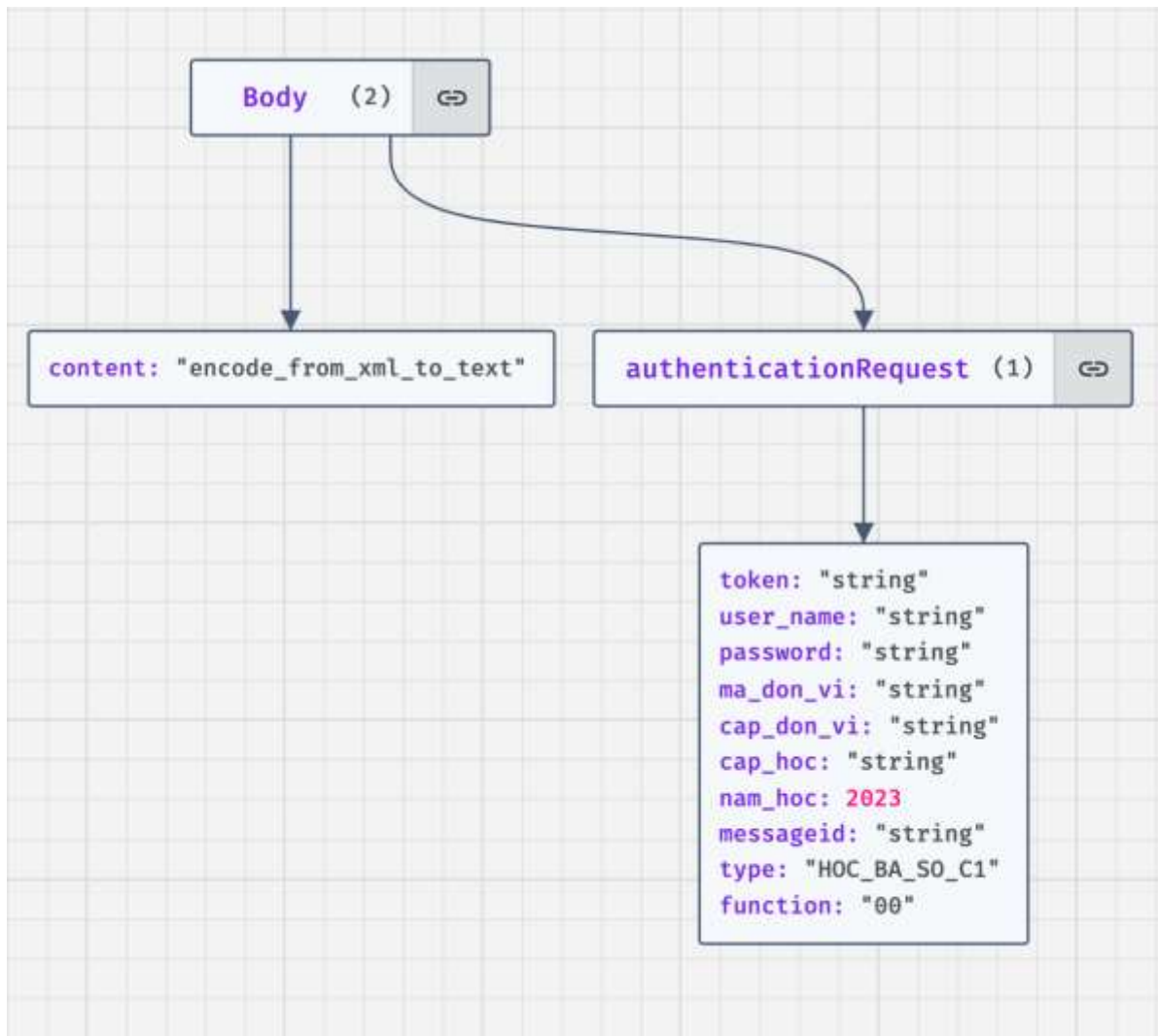
2.1 Danh sách các loại giao dịch

STT	Mã loại giao dịch	Tên	Mô tả
1.	1	Giao dịch gửi yêu cầu nộp báo cáo dữ liệu học bạ số	Sử dụng để đóng gói dữ liệu học bạ số từ phần mềm quản trị nhà trường của CSGD lên Hệ thống CSDL ngành.
2.	2	Giao dịch truy vấn kết quả phát hành học bạ số	Sử dụng để CSGD kiểm tra trạng thái xử lý của yêu cầu nộp phát hành học bạ số.
3.	3	Giao dịch đăng ký chứng thư chữ ký số	Sử dụng để đăng ký chứng thư chữ ký số với Hệ thống CSDL ngành (Sở/Phòng GDĐT kiểm tra, duyệt chứng thư đối với CSGD thuộc phạm vi quản lý trực tiếp) phục vụ quản lý, xác thực giao dịch
4.	4	Giao dịch truy vấn kết quả đăng ký chứng thư chữ ký số	Sử dụng để CSGD kiểm tra trạng thái xử lý đăng ký chứng thư chữ ký số
5.	5	Giao dịch gửi yêu cầu thu hồi dữ liệu học bạ số	Sử dụng để CSGD gửi yêu cầu thu hồi dữ liệu học bạ số lên Hệ thống CSDL ngành
6.	6	Giao dịch truy vấn kết quả thu hồi dữ liệu học bạ số	Sử dụng để CSGD kiểm tra trạng thái xử lý của yêu cầu yêu cầu thu hồi dữ liệu học bạ số

2.2 Định dạng dữ liệu giao dịch gửi yêu cầu nộp báo cáo dữ liệu học bạ số

- Để gửi thông tin giao dịch yêu cầu nộp báo cáo dữ liệu học bạ số từ phần mềm quản trị nhà trường của CSGD lên Hệ thống CSDL ngành, các giao dịch cần phải tuân thủ quy định thống nhất về định dạng dữ liệu giao dịch truyền nhận.

- Đặc tả dữ liệu đầu vào của giao dịch được mô tả theo bảng dưới đây:



Hình 02: Mô tả cấu trúc dữ liệu đầu vào của giao dịch nộp dữ liệu học bạ

Tham số	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc
Thông tin của đơn vị giao dịch được bao trong object {authenticationRequest}. Chi tiết như sau:			
Token	Đoạn mã bảo mật để xác thực phiên giao dịch	String	Bắt buộc
user_name	Thông tin tài khoản được cấp của đơn vị	String	Bắt buộc
password	Mật khẩu của đơn vị (sử dụng hàm băm SHA256)	String	Bắt buộc
ma_don_vi	Mã đơn vị	String	Bắt buộc
nam_hoc	Năm học	Number	Bắt buộc
messageid	ID gói tin	String	Bắt buộc
Type	Loại gói tin	String	Bắt buộc
function	Mã chức năng	String	Bắt buộc

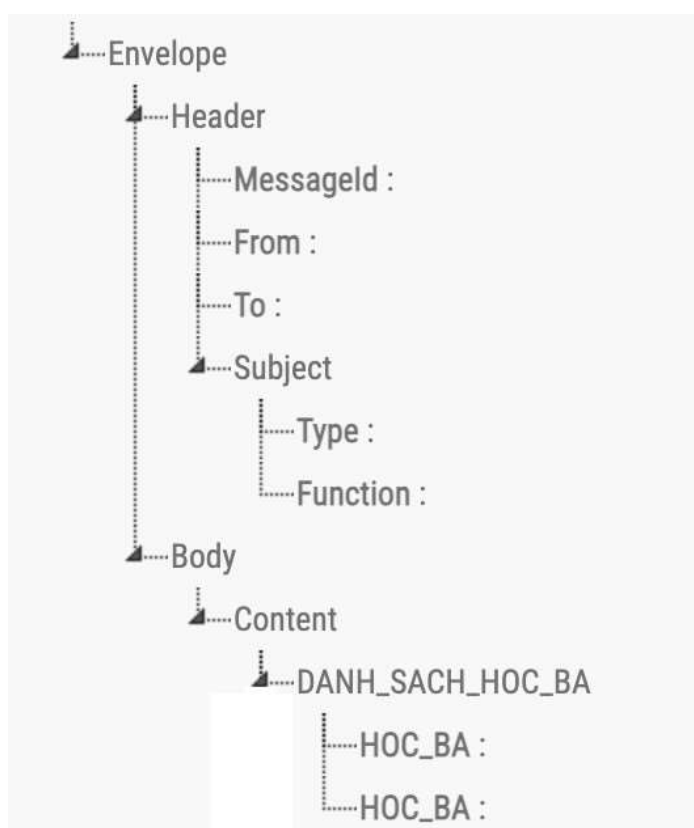
Tham số	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc
Thông tin dữ liệu học bạ số được nén và đóng gói trong tham số “content”. Chi tiết như sau:			
Content	Đoạn chuỗi mã hoá dữ liệu học bạ số	String	Bắt buộc

Mô tả chi tiết tham số “*content*”: Là đoạn chuỗi mã hoá dữ liệu của danh sách học bạ số:

- Mỗi học bạ chứa dữ liệu được quy định trong mục 1.5 Quy định về định dạng học bạ số.

- Danh sách học bạ số được nối với nhau trong 1 file xml. Thẻ gốc <DANH_SACH_HOC_BA>, chứa danh sách học bạ.

- Dữ liệu file xml này được xử lý “escape quote”, sau đó nén lại theo hàm mã hoá dữ liệu (trong *Phụ lục 1.3 - Hướng dẫn hàm mã hoá dữ liệu truyền nhận*).



Hình 03: Mô tả định dạng file xml chứa danh sách học bạ số

Đặc tả dữ liệu đầu ra:

Tham số	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc
MessageId	ID gói tin	String	Bắt buộc
Error	Mã lỗi	String	Bắt buộc

ErrorDescription	Tiêu đề mã lỗi	String	Bắt buộc
ResponseCode	Mã phản hồi	String	Bắt buộc
ResponseDescription	Chi tiết phản hồi	String	Bắt buộc

2.3 Định dạng dữ liệu giao dịch truy vấn kết quả nộp báo cáo dữ liệu học bạ số

Đặc tả dữ liệu đầu vào:

Tham số	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc
messageid	ID gói tin	String	Bắt buộc
ma_don_vi	Mã đơn vị	String	Bắt buộc
Type	Mã chức năng	String	Bắt buộc
function	Loại chức năng	String	Bắt buộc

Đặc tả dữ liệu đầu ra: Là danh sách trạng thái phê duyệt của từng học bạ số. Chi tiết như sau:

Tham số	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc
ma_hoc_sinh	Mã học sinh	String	Bắt buộc
ten_hoc_sinh	Tên học sinh	String	Bắt buộc
so_cccd	Số căn cước công dân	String	Bắt buộc
ma_dinh_danh_hoc_ba	Mã định danh học bạ	String	Bắt buộc
trang_thai	Trạng thái phê duyệt học bạ 1 – phê duyệt 0 – từ chối	Number	Bắt buộc
Error	Mã lỗi	String	Bắt buộc
error_field_title	Tiêu đề mã lỗi	String	Bắt buộc
error_description	Thông tin lỗi	String	Bắt buộc

2.4 Định dạng dữ liệu giao dịch đăng ký chứng thư chữ ký số

Đặc tả dữ liệu đầu vào:

Tham số	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc
messageid	ID của gói tin	String	Bắt buộc

Tham số	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc
Type	Loại gói tin	String	Bắt buộc
function	Mã chức năng	String	Bắt buộc
ma_don_vi	Mã đơn vị - là mã CSGD theo danh mục do Bộ GDĐT quy định (đang sử dụng trên CSDL ngành)	String	Bắt buộc
serial_number	Serial của chứng thư chữ ký số	String	Bắt buộc
ngay_hieu_luc	Ngày có hiệu lực của chứng thư chữ ký số	Date	Bắt buộc
ma_kieu_chu_ky	Mã kiểu chứng thư chữ ký số	String	Bắt buộc
nha_phat_hanh	Nhà phát hành chứng thư chữ ký số	String	Bắt buộc

Thông tin về chứng thư chữ ký số kèm theo chữ ký số của CSGD (để đối sánh) được đóng gói trong tham số “content”. Thông tin chi tiết được mô tả tại mục *Đăng ký chứng thư chữ ký số của CSGD* trong *Tài liệu mô tả dịch vụ kết nối dữ liệu* kèm theo.

Danh mục “ma_kieu_chu_ky”:

- REMOTE_SIGNING: Chữ ký số Remote Signing
- USB_TOKEN: Chữ ký số USB Token

Dữ liệu trong danh mục “ma_kieu_chu_ky” sẽ có thể được bổ sung điều chỉnh thêm (*Bộ GDĐT sẽ cung cấp API trả về danh mục kiểu chữ ký số*).

Danh mục “nha_phat_hanh” nhà cung cấp chứng thư chữ ký số được bộ thông tin truyền thông cấp phép, ví dụ:

- VNPT: Nhà phát hành VNPT SMART CA
- BKAV: Nhà phát hành BKAV
- VIETTEL: Nhà phát hành VIETTEL VIETTEL CA – RS
- BAN_CO_YEU: Chữ ký số của Ban cơ yếu Chính phủ

Dữ liệu trong danh mục “nha_phat_hanh” sẽ có thể được bổ sung điều chỉnh thêm (*Bộ sẽ cung cấp API trả về danh mục nhà cung cấp chữ ký số*).

Đặc tả dữ liệu đầu ra:

Tham số	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc
messageid	ID gói tin	String	Bắt buộc
Error	Mã lỗi	String	Bắt buộc
error_filed_title	Tiêu đề mã lỗi	String	Bắt buộc
error_description	Thông tin lỗi	String	Bắt buộc

--	--	--	--

2.5 Định dạng dữ liệu giao dịch truy vấn kết quả đăng ký chứng thư chữ ký số

Đặc tả dữ liệu đầu vào:

Tham số	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc
messageid	MessageId	String	Bắt buộc
ma_don_vi	Mã đơn vị	String	Bắt buộc
ma_nam_hoc	Mã năm học	Number	Bắt buộc

Đặc tả dữ liệu đầu ra:

Tham số	Tên thẻ	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc
messageid	MessageId	String	Bắt buộc
ma_don_vi	Mã đơn vị	String	Bắt buộc
serial_number	Serial của chứng thư chữ ký số	String	Bắt buộc
trang_thai_phe_duyet	Trạng thái phê duyệt của chứng thư chữ ký số 2 – chờ duyệt 1 – phê duyệt 0 – từ chối	Number	Bắt buộc
Error	Mã lỗi	String	Bắt buộc
error_field_title	Tiêu đề mã lỗi	String	Bắt buộc
error_description	Thông tin lỗi	String	Bắt buộc

2.6 Định dạng dữ liệu giao dịch gửi yêu cầu thu hồi dữ liệu học bạ số

- Để gửi thông tin giao dịch yêu cầu thu hồi dữ liệu học bạ đã phát hành từ phần mềm quản trị nhà trường của CSGD lên Hệ thống CSDL ngành, các giao dịch cần phải tuân thủ quy định thống nhất về định dạng dữ liệu giao dịch truyền nhận tương tự giao dịch nộp báo cáo được mô tả tại mục 2.2 *Định dạng dữ liệu giao dịch gửi yêu cầu nộp báo cáo dữ liệu học bạ số*, cụ thể như sau:

Mô tả chi tiết tham số “*content*”: Là đoạn chuỗi mã hoá dữ liệu của danh sách thông tin học bạ số cần thu hồi:

- Danh sách thông tin học bạ số cần thu hồi được nối với nhau trong 1 file xml. Thẻ gốc <DANH_SACH_HOC_BA>, chứa danh sách thông tin học bạ.

- Dữ liệu file xml này được xử lý “escape quote”, sau đó nén lại theo hàm mã hoá dữ liệu (trong *Phụ lục 1.3 - Hướng dẫn hàm mã hoá dữ liệu truyền nhận*).

- “Signature” là chữ ký số của tổ chức (CSGD) – dùng để ký xác nhận điện tử mỗi giao dịch thu hồi học bạ.

Ví dụ:

```
<DANH_SACH_HOC_BA id="dataDanhSach">
  <HOC_BA>
    <MA_DINH_DANH_HOC_BA>4ef748d9-2146-4a82-95a5-
8534051475f0</MA_DINH_DANH_HOC_BA>
    <HO_VA_TEN>Trương Phương Anh</HO_VA_TEN>
    <GIOI_TINH>Nữ</GIOI_TINH>
    <NGAY_SINH>17/05/2017</NGAY_SINH>
    <SO_CCCD>048317002681</SO_CCCD>
    <TEN_TRUONG>Tiểu học Điện Biên Phủ</TEN_TRUONG>
    <MA_TRUONG>48491401</MA_TRUONG>
    <TEN_NAM_HOC>2023-2024</TEN_NAM_HOC>
    <LY_DO_TRUONG_GUI_YEU_CAU_THU_HOI />
  </HOC_BA>
  <HOC_BA>
    ...
  </HOC_BA>
</DANH_SACH_HOC_BA>
```

- Dữ liệu xml này được xử lý “escape quote”, sau đó nén lại theo hàm mã hoá dữ liệu (trong *Phụ lục 1.3 - Hướng dẫn hàm mã hoá dữ liệu truyền nhận*).

- “Signature” là chữ ký số của tổ chức (CSGD) – dùng để ký xác nhận điện tử mỗi giao dịch thu hồi học bạ.

2.7 Định dạng dữ liệu giao dịch truy vấn kết quả thu hồi dữ liệu học bạ số

Đặc tả dữ liệu đầu vào:

Tham số	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc
messageid	ID gói tin	String	Bắt buộc
ma_don_vi	Mã đơn vị	String	Bắt buộc
Type	Mã chức năng	String	Bắt buộc

function	Loại chức năng	String	Bắt buộc

Đặc tả dữ liệu đầu ra: Là danh sách trạng thái phê duyệt của từng học bạ số.
Chi tiết như sau:

Tham số	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc
ma_hoc_sinh	Mã học sinh	String	Bắt buộc
ten_hoc_sinh	Tên học sinh	String	Bắt buộc
so_cccd	Số căn cước công dân	String	Bắt buộc
ma_dinh_danh_hoc_ba	Mã định danh học bạ	String	Bắt buộc
trang_thai	Trạng thái thu hồi học bạ 1 – Chờ xử lý 2 – Đồng ý thu hồi 3 - Từ chối thu hồi	Number	Bắt buộc
Error	Mã lỗi	String	Bắt buộc
error_field_title	Tiêu đề mã lỗi	String	Bắt buộc
error_description	Thông tin lỗi	String	Bắt buộc

2.8 Quy định về dung lượng dữ liệu

Dung lượng mỗi giao dịch tối đa cho phép là 10MB.

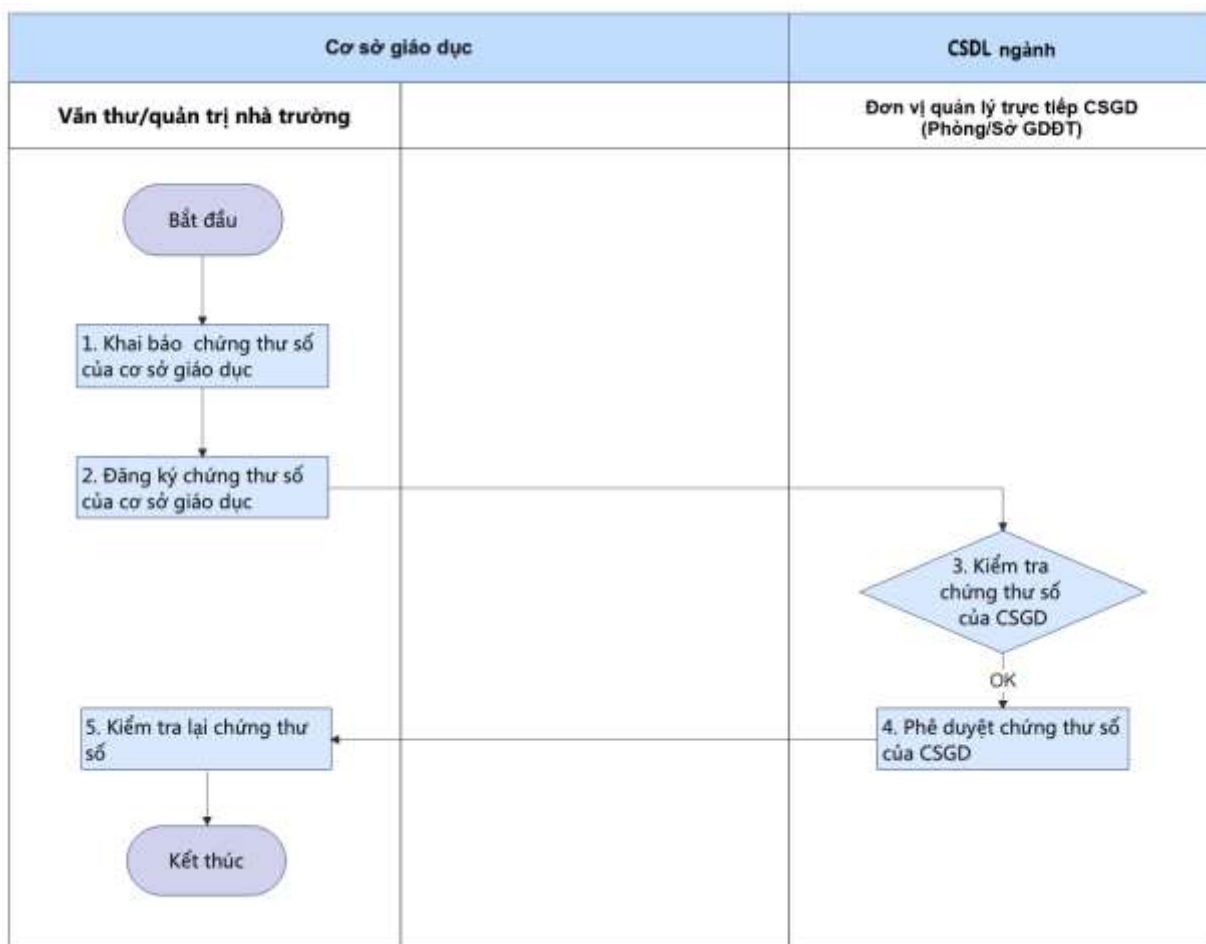
III. Hướng dẫn tạo lập và phát hành học bạ số

1. Khai báo và đăng ký chứng thư chữ ký số của Cơ sở giáo dục

- Các CSGD cần thực hiện việc khai báo và đăng ký chứng thư chữ ký số (tổ chức) của đơn vị, gửi lên Hệ thống CSDL ngành để cấp quản lý trực tiếp (Phòng/Sở GDĐT) kiểm tra và phê duyệt.

- Chứng thư chữ ký số được cấp quản lý (Phòng/Sở GDĐT) phê duyệt mới có đủ hiệu lực để ký phát hành học bạ tại CSGD.

- Hệ thống CSDL ngành kiểm tra, đối sánh thông tin chữ ký số sử dụng trong giao dịch (thẻ <Signature>) và chữ ký số phát hành (thẻ <KY_PHAT_HANH>) trong từng học bạ số đã phát hành với chứng thư chữ ký số (tổ chức) đã được phê duyệt để kiểm tra tính hợp lệ của từng giao dịch/từng học bạ số.



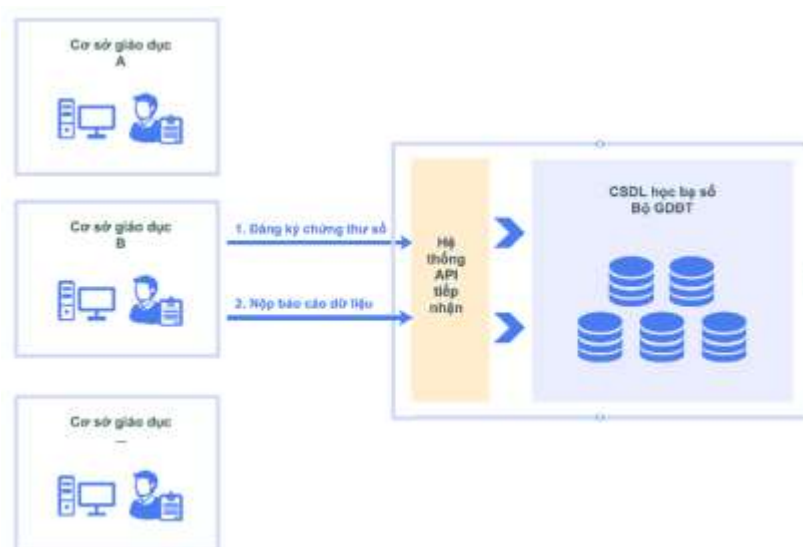
Các bước thực hiện được mô tả trong bảng bên dưới:

Bước	Mô tả	Ràng buộc
1	Văn thư/quản trị viên CSGD khai báo thông tin chứng thư chữ ký số của đơn vị trên phần mềm quản trị nhà trường của CSGD hoặc trên Hệ thống CSDL ngành	Ký số bằng chứng thư chữ ký số (tổ chức) của đơn vị

2	CSGD gửi đăng ký chứng thư chữ ký số của đơn vị lên Hệ thống CSDL ngành ¹	Chứng thư chữ ký số của đơn vị sẽ dùng để ký phát hành học bạ
3	Sở/Phòng GDĐT kiểm tra thông tin chứng thư chữ ký số của đơn vị (trên Hệ thống CSDL ngành)	Chứng thư chữ ký số của đơn vị sẽ dùng để ký phát hành học bạ
4	Sở/Phòng GDĐT phê duyệt chứng thư chữ ký số của đơn vị	Chứng thư chữ ký số của đơn vị sẽ dùng để ký phát hành học bạ Trạng thái phê duyệt chứng thư chữ ký số
5	CSGD kiểm tra trạng thái phê duyệt, sẵn sàng sử dụng để ký số học bạ	Chứng thư chữ ký số của đơn vị

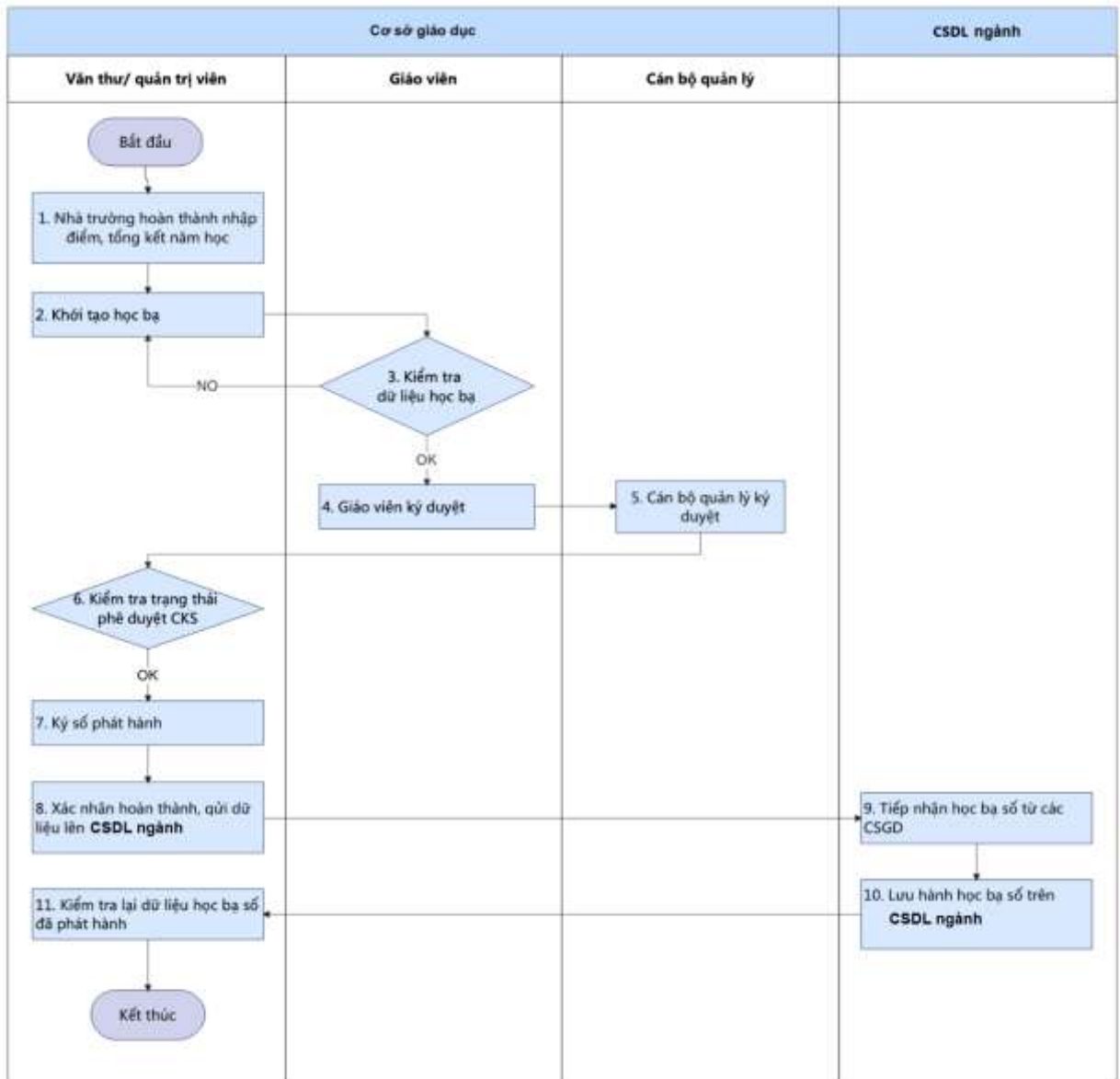
2. Tạo lập và phát hành học bạ số

- Học bạ số được tạo lập và phát hành tại các CSGD.
- Hệ thống CSDL ngành cung cấp API tiếp nhận dữ liệu học bạ số từ các CSGD theo hướng dẫn kỹ thuật của Bộ GDĐT.



- Mô tả chi tiết quy trình tạo lập và phát hành học bạ số:

¹ Việc tổ chức thực hiện tiếp nhận, kiểm tra, phê duyệt chứng thư chữ ký số do Sở GDĐT phân công thực hiện



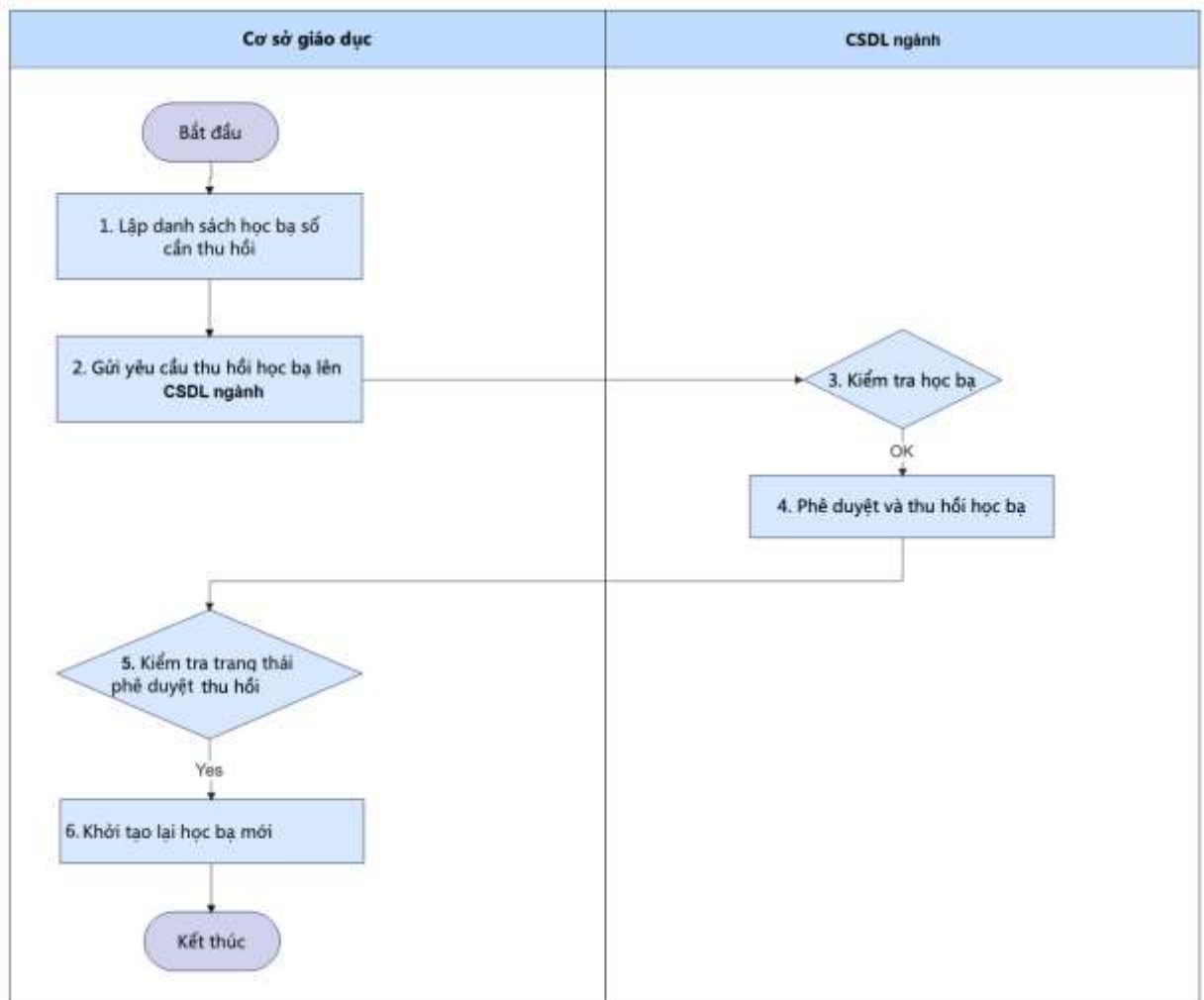
- Mô tả chi tiết:

Bước	Nội dung	Thực hiện	Chi tiết/Dữ liệu
1	Nhà trường xác nhận hoàn thành tổng kết	Văn thư/quản trị viên	Dữ liệu tổng kết của học sinh
2	Khởi tạo học bạ số	Văn thư/quản trị viên	Chọn học sinh và thực hiện khởi tạo học bạ số
3	Kiểm tra dữ liệu học bạ	Giáo viên	Giáo viên thực hiện kiểm tra thông tin học bạ của học sinh được khởi tạo
4	Giáo viên ký duyệt	Giáo viên	Giáo viên thực hiện ký duyệt vào học bạ đã khởi tạo
5	Cán bộ quản lý nhà trường ký duyệt	Cán bộ quản lý nhà trường	Sau khi giáo viên đã ký duyệt, lãnh đạo nhà trường thực hiện ký duyệt học bạ số của học sinh.

6	Kiểm tra trạng thái phê duyệt chứng thư chữ ký số của CSGD	Văn thư/quản trị viên	Chứng thư chữ ký số của CSGD dùng để ký phát hành học bạ cần được đăng ký và phê duyệt từ đơn vị quản lý trực tiếp (Phòng/Sở GDĐT)
7	Ký số phát hành	Văn thư/quản trị viên	Ký số phát hành học bạ. Đây là chữ ký số (tổ chức) của CSGD. Tham khảo mục 1.5 quy định về danh sách chữ ký số trong file học bạ số.
8	Xác nhận hoàn thành và gửi dữ liệu lên Hệ thống CSDL ngành	Văn thư/quản trị viên	Xác nhận hoàn thành học bạ số và gửi dữ liệu học bạ số lên Hệ thống CSDL ngành
9	Tiếp nhận học bạ số	Hệ thống CSDL ngành	Lưu trữ trên Hệ thống CSDL ngành
10	Lưu hành học bạ số	Hệ thống CSDL ngành	CSGD lưu hành học bạ số trên Hệ thống CSDL ngành
11	Kiểm tra dữ liệu học bạ số được phát hành	Văn thư/quản trị viên	CSGD kiểm tra dữ liệu học bạ số được phát hành

3. Thu hồi học bạ số

Các CSGD có trách nhiệm tạo lập học bạ số và báo cáo dữ liệu học bạ số (bằng kết nối API) về Hệ thống CSDL ngành theo thời gian quy định của Bộ GDĐT. Sau khi gửi dữ liệu, nếu phát hiện có sai sót, học bạ cần thu hồi sẽ áp dụng theo luồng thu hồi học bạ số từ các CSGD lên Hệ thống CSDL ngành. Chi tiết luồng thu hồi (cho 01 lần thu hồi) như sau:



Các bước thực hiện được mô tả trong bảng bên dưới:

Bước	Nội dung	Thực hiện	Chi tiết/Dữ liệu
1	Cơ sở giáo dục lập danh sách học bạ số cần thu hồi	CSGD	Danh sách mã học bạ
2	Gửi yêu cầu thu hồi học bạ số lên Hệ thống CSDL ngành	CSGD	Danh sách học bạ số
3	Sở/Phòng GDĐT tiếp nhận yêu cầu, thực hiện kiểm tra xác minh trên Hệ thống CSDL ngành	Sở/Phòng GDĐT	Danh sách học bạ số
4	Sở/Phòng GDĐT phê duyệt yêu cầu thu hồi học bạ	Sở/Phòng GDĐT	Danh sách học bạ số
5	Kiểm tra trạng thái phê duyệt thu hồi học bạ số	CSGD	Danh sách học bạ
6	CSGD thực hiện tạo lập lại các học bạ, sau đó tiến hành gửi lại học bạ mới.	CSGD	Danh sách học bạ

Phụ lục 1.1. CẤU TRÚC THÔNG TIN HỌC BẠ SỐ CẤP TIỂU HỌC

Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu		Độ dài tối đa	Ghi chú
Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu			Tiếng Việt	Tiêng anh		
Thông tin chung	Phiên bản	PHIEN_BAN	X	Chuỗi ký tự	String	10	
	Thông tư	THONG_TU	X	Chuỗi ký tự	String	10	
	Mã định danh học bạ	MA_DINH_DANH_HOC_BA	X	Chuỗi ký tự	String	36	
	Tên năm học	TEN_NAM_HOC	X	Chuỗi ký tự	String	30	
	Mã sở giáo dục	MA_SO_GD	X	Chuỗi ký tự	String	20	Cột Mã trong Danh mục Sở giáo dục
	Tên sở giáo dục	TEN_SO_GD	X	Chuỗi ký tự	String	50	
	Mã trường	MA_TRUONG	X	Chuỗi ký tự	String	20	
	Tên trường	TEN_TRUONG	X	Chuỗi ký tự	String	250	
	Tên quận huyện	TEN_QUAN_HUYEN	X	Chuỗi ký tự	String	150	
	Tên xã phường	TEN_XA_PHUONG	X	Chuỗi ký tự	String	150	
	Tên tỉnh thành phố	TEN_TINH_THANH_PHO	X	Chuỗi ký tự	String	150	
	Mã cấp học	MA_CAP_HOC	X	Chuỗi ký tự	String	20	Cột Mã trong Danh mục Cấp học (chỉ lấy cấp Tiểu học)
	Số sổ đăng bộ	SO_SO_DANG_BO		Chuỗi ký tự	String	50	
	Họ và tên	HO_VA_TEN	X	Chuỗi ký tự	String	150	
	Số CCCD	SO_CCCD	X	Chuỗi ký tự	String	12	
	Mã học sinh	MA_HOC_SINH	X	Chuỗi ký tự	String	20	
	Giới tính	GIOI_TINH	X	Chuỗi ký tự	String	20	Nhận giá trị Nam, Nữ

Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu		Độ dài tối đa	Ghi chú
Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu			Tiếng Việt	Tiêng anh		
	Ngày sinh	NGAY_SINH	X	Chuỗi ký tự	String		Định dạng datetime dd/MM/yyyy
	Cân nặng	CAN_NANG		Số	Number		Kiểu Số (Kg)
	Chiều cao	CHIEU_CAO		Số	Number		Kiểu Số (cm)
	Tổng số buổi nghỉ có phép	TONG_SO_BUOI_NGHI_CO_PHEP	X	Số	Number		
	Tổng số buổi nghỉ không phép	TONG_SO_BUOI_NGHI_KHONG_PHEP	X	Số	Number		
	Nơi sinh	NOI_SINH	X	Chuỗi ký tự	String	250	
	Quê quán	QUE_QUAN	X	Chuỗi ký tự	String	250	
	Chỗ ở hiện nay	CHO_O_HIEN_NAY	X	Chuỗi ký tự	String	250	
	Dân tộc	DAN_TOC	X	Chuỗi ký tự	String	50	Cột Tên trong Danh mục Dân tộc, tham khảo chuẩn 4998
	Quốc tịch	QUOC_TICH	X	Chuỗi ký tự	String	100	Cột Tên trong Danh mục Quốc tịch, tham khảo chuẩn 4998
	Học sinh khuyết tật không đánh giá	IS_KHUYET_TAT_KHONG_DANH_GIA	X	Chuỗi ký tự	String	1	Nhận giá trị: 0 hoặc 1
	Họ và tên cha	HO_VA_TEN_CHA		Chuỗi ký tự	String	150	
	Họ và tên mẹ	HO_VA_TEN_ME		Chuỗi ký tự	String	150	
	Họ và tên người giám hộ	HO_VA_TEN_NGUOI_GIAM_HO		Chuỗi ký tự	String	150	
	Tên giám hiệu ký học bạ	TEN_GIAM_HIEU_KY_HOC_BA	X	Chuỗi ký tự	String	150	
	Số CCCD giám hiệu ký học bạ	SO_CCCD_GIAM_HIEU_KY_HOC_BA	X	Chuỗi ký tự	String	12	
	Địa danh phát hành học bạ	DIA_DANH_PHAT_HANH_HOC_BA	X	Chuỗi ký tự	String	150	
	Ngày phát hành học bạ	NGAY_KY_PHAT_HANH_HOC_BA	X	Chuỗi ký tự	String	10	Định dạng datetime dd/MM/yyyy

Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu		Độ dài tối đa	Ghi chú
Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu			Tiếng Việt	Tiếng anh		
							(Đây là thông tin CSGD tự nhập và sẽ hiển thị tại mục Ngày ký trong Mẫu hiển thị học bạ, độc lập với thông tin thời điểm ký số phát hành)
	Ngày tạo học bạ	NGAY_TAO_HOC_BA	X	Chuỗi ký tự	String	10	Định dạng datetime dd/MM/yyyy
	Chức vụ giám hiệu ký học bạ	CHUC_VU_GIAM_HIEU_KY_HOC_BA	X	Chuỗi ký tự	String	100	
	Tên giáo viên chủ nhiệm	TEN_GIAO_VIEN_CHU_NHIEM		Chuỗi ký tự	String	150	
	Số CCCD giáo viên chủ nhiệm	SO_CCCD_GIAO_VIEN_CHU_NHIEM		Chuỗi ký tự	String	12	
	Mã khối	MA_KHOI	X	Chuỗi ký tự	String	5	Cột Mã trong Danh mục Khối
	Tên lớp	TEN_LOP	X	Chuỗi ký tự	String	100	
Quá trình học tập	Năm học	NAM_HOC	X	Chuỗi ký tự	String	100	Ghi dưới dạng 2023-2024; 2024-2025
	Tên lớp	TEN_LOP	X	Chuỗi ký tự	String	100	
	Tên trường	TEN_TRUONG	X	Chuỗi ký tự	String	250	
	Tên tỉnh thành phố (của trường nơi đi)	TEN_TINH_THANH_PHO		Chuỗi ký tự	String	150	
	Ngày trạng thái chuyển đến	NGAY_TRANG_THAI_CHUYEN_DEN		Chuỗi ký tự	String	10	Định dạng datetime dd/MM/yyyy
Tổng kết	Kết quả xếp loại	KET_QUA_XEP_LOAI	X	Chuỗi ký tự	String	150	
	Được lên lớp	DUOC_LEN_LOP	X	Chuỗi ký tự	String	1	Nhận giá trị: 0 hoặc 1
	Nội dung hoàn thành chương trình lớp học	NOI_DUNG_HOAN_THANH_CHUONG_TRINH		Chuỗi ký tự	String	150	

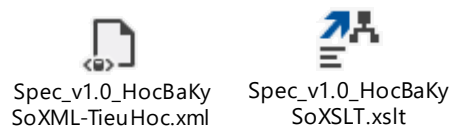
Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu		Độ dài tối đa	Ghi chú
Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu			Tiếng Việt	Tiếng anh		
	Đã hoàn thành chương trình lớp học	DA_HOAN_THANH_CHUONG_TRINH_LOP_HOC	X	Chuỗi ký tự	String	1	Nhận giá trị: 0 hoặc 1
	Đã hoàn thành chương trình tiểu học	DA_HOAN_THANH_CHUONG_TRINH_TIEU_HOC		Chuỗi ký tự	String	1	Nhận giá trị: 0 hoặc 1
	Nội dung khen thưởng	NOI_DUNG_KHEN_THUONG		Chuỗi ký tự	String	500	
	Nội dung khen thưởng đột xuất	NOI_DUNG_KHEN_THUONG_DOT_XUAT		Chuỗi ký tự	String	500	
	Nhận xét giáo viên chủ nhiệm	NHAN_XET_GVCN	X	Chuỗi ký tự	String	2000	
Bảng điểm	Điểm tổng kết	DIEM_TONG_KET	X				
	Mã môn học	MA_MON_HOC	X	Chuỗi ký tự	String	20	Cột Mã trong Danh mục môn học
	Tên môn học	TEN_MON_HOC	X	Chuỗi ký tự	String	50	Cột Tên trong Danh mục môn học Trường hợp môn Ngoại ngữ, sau tên môn ngắt dòng và ghi tên ngoại ngữ.
	Mức đạt được	MUC_DAT_DUOC		Chuỗi ký tự	String	10	Cột Mã trong Danh mục mức đạt được (môn nào không học thì bỏ trống) Trường hợp học sinh miễn môn học, nhập chữ M
	Điểm kiểm tra định kỳ	DIEM_KIEM_TRA_DINH_KY		Chuỗi ký tự	String	2	Số nguyên trong khoảng từ 0 đến 10. Trường hợp học sinh miễn môn học, nhập chữ M
Đánh giá năng lực	Năng lực tự chủ tự học	NANG_LUC_TU_CHU_TU_HOC	X	Chuỗi ký tự	String	20	Cột Mã trong Danh mục năng lực phẩm chất; không bắt buộc nếu IS_KHUYET_TAT_KHONG_DANH_GIA=1

Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu		Độ dài tối đa	Ghi chú
Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu			Tiếng Việt	Tiếng anh		
phẩm chất	Năng lực giao tiếp hợp tác	NANG_LUC_GIAO_TIEP_HOP_TAC	X	Chuỗi ký tự	String	20	Cột Mã trong Danh mục năng lực phẩm chất; không bắt buộc nếu IS_KHUYET_TAT_KHONG_DANH_GIA=1
	Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo	NANG_LUC_GIAI QUYET_VAN_DE_SANG_TAO	X	Chuỗi ký tự	String	20	Cột Mã trong Danh mục năng lực phẩm chất; không bắt buộc nếu IS_KHUYET_TAT_KHONG_DANH_GIA=1
	Năng lực ngôn ngữ	NANG_LUC_NGON_NGU	X	Chuỗi ký tự	String	20	Cột Mã trong Danh mục năng lực phẩm chất; không bắt buộc nếu IS_KHUYET_TAT_KHONG_DANH_GIA=1
	Năng lực tính toán	NANG_LUC_TINH_TOAN	X	Chuỗi ký tự	String	20	Cột Mã trong Danh mục năng lực phẩm chất; không bắt buộc nếu IS_KHUYET_TAT_KHONG_DANH_GIA=1
	Năng lực khoa học	NANG_LUC_KHOA_HOC	X	Chuỗi ký tự	String	20	Cột Mã trong Danh mục năng lực phẩm chất; không bắt buộc nếu IS_KHUYET_TAT_KHONG_DANH_GIA=1
	Năng lực công nghệ	NANG_LUC_CONG_NGHE		Chuỗi ký tự	String	20	Cột Mã trong Danh mục năng lực phẩm chất
	Năng lực tin học	NANG_LUC_TIN_HOC		Chuỗi ký tự	String	20	Cột Mã trong Danh mục năng lực phẩm chất
	Năng lực thẩm mỹ	NANG_LUC_THAM_MI	X	Chuỗi ký tự	String	20	Cột Mã trong Danh mục năng lực phẩm chất; không bắt buộc nếu IS_KHUYET_TAT_KHONG_DANH_GIA=1
	Năng lực thể chất	NANG_LUC_THE_CHAT	X	Chuỗi ký tự	String	20	Cột Mã trong Danh mục năng lực phẩm chất; không bắt buộc nếu IS_KHUYET_TAT_KHONG_DANH_GIA=1
	Phẩm chất yêu nước	PHAM_CHAT_YEU_NUOC	X	Chuỗi ký tự	String	20	Cột Mã trong Danh mục năng lực phẩm chất; không bắt buộc nếu IS_KHUYET_TAT_KHONG_DANH_GIA=1

Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu		Độ dài tối đa	Ghi chú
Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu			Tiếng Việt	Tiếng anh		
	Phẩm chất nhân ái	PHAM_CHAT_NHAN_AI	X	Chuỗi ký tự	String	20	Cột Mã trong Danh mục năng lực phẩm chất; không bắt buộc nếu IS_KHUYET_TAT_KHONG_DANH_GIA=1
	Phẩm chất chăm chỉ	PHAM_CHAT_CHAM_CHI	X	Chuỗi ký tự	String	20	Cột Mã trong Danh mục năng lực phẩm chất; không bắt buộc nếu IS_KHUYET_TAT_KHONG_DANH_GIA=1
	Phẩm chất trung thực	PHAM_CHAT_TRUNG_THUC	X	Chuỗi ký tự	String	20	Cột Mã trong Danh mục năng lực phẩm chất; không bắt buộc nếu IS_KHUYET_TAT_KHONG_DANH_GIA=1
	Phẩm chất trách nhiệm	PHAM_CHAT_TRACH_NHIEM	X	Chuỗi ký tự	String	20	Cột Mã trong Danh mục năng lực phẩm chất; không bắt buộc nếu IS_KHUYET_TAT_KHONG_DANH_GIA=1
	Nhận xét phẩm chất	NHAN_XET_PHAM_CHAT	X	Chuỗi ký tự	String	500	
	Nhận xét năng lực chung	NHAN_XET_NANG_LUC_CHUNG	X	Chuỗi ký tự	String	500	
	Nhận xét năng lực đặc thù	NHAN_XET_NANG_LUC_DAC_THU	X	Chuỗi ký tự	String	500	
Thông tin ký số của GV	Thông tin ký số của giáo viên chủ nhiệm	GVCN	X				Có thuộc tính “Id” là Số CCCD
Thông tin ký số phát hành học bạ	Thông tin ký số phát hành của cán bộ quản lý	CBQL	X				Có thuộc tính “Id” là Số CCCD
	Thông tin ký số phát hành của cơ sở giáo dục	KY_PHAT_HANH	X				
	Chữ ký số	Signature	X				

Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu		Độ dài tối đa	Ghi chú
Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu			Tiếng Việt	Tiếng anh		
Thông tin chữ ký số	Dữ liệu được Ký số và chỉ ra thuật toán được sử dụng trong thành phần SignedInfo.	Signature /SignedInfo	X	Chuỗi ký tự	String		
	Giá trị của chữ ký số, nó được mã hóa ở dạng base64	Signature /SignatureValue	X	Chuỗi ký tự	String		
	Khóa cho người nhận, thường sử dụng chứng thư chữ ký số X.509. KeyInfo (thông tin khóa) là một thành phần cho phép người nhận tìm kiếm khóa xác thực chữ ký số. KeyInfo có thể chứa các khóa, các tên, các chứng thư chữ ký số và các thông tin quản lý khóa công khai.	Signature /KeyInfo	X	Chuỗi ký tự	String		
		Signature /KeyInfo/X509Data	X	Chuỗi ký tự	String		
		Signature /KeyInfo/ X509Data /X509Certificate	X	Chuỗi ký tự	String		
	Thông tin thời điểm ký số	Signature\Object\SignatureProperties\SignatureProperty\SigningTime	X	Chuỗi ký tự	String		Kiểu dữ liệu ngày giờ có dạng YYYY-MM-DDThh:mm:ss

(*) Ví dụ minh họa học bạ số cấp Tiểu học dưới dạng XML như trong tệp đính kèm dưới đây:



(**) Ví dụ minh họa mẫu hiển thị học bạ số cấp Tiểu học như trong tệp đính kèm dưới đây:



Mẫu_Hiến_Thị_Hoc
ba_TH-v1.docx

Phụ lục 1.2. CÁC DANH MỤC LIÊN QUAN

1.2.1. DANH MỤC CẤP HỌC

Mã	Tên
01	Mầm non Mầm non
02	Tiểu học
03	Trung học cơ sở
04	Trung học phổ thông
05	Giáo dục thường xuyên

1.2.2. DANH MỤC SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

Mã	Tên
01	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội
02	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Giang
04	Sở Giáo dục và Đào tạo Cao Bằng
06	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Kạn
08	Sở Giáo dục và Đào tạo Tuyên Quang
10	Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai
11	Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên
12	Sở Giáo dục và Đào tạo Lai Châu
14	Sở Giáo dục và Đào tạo Sơn La
15	Sở Giáo dục và Đào tạo Yên Bái
17	Sở Giáo dục và Đào tạo Hòa Bình
19	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên
20	Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn
22	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh
24	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang
25	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ
26	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc
27	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh
30	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương
31	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng
33	Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên
34	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình
35	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nam
36	Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định
37	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình
38	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa
40	Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An
42	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Tĩnh
44	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Bình
45	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị

Mã	Tên
46	Sở Giáo dục và Đào tạo Thừa Thiên Huế
48	Sở Giáo dục và Đào tạo Đà Nẵng
49	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Nam
51	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi
52	Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định
54	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Yên
56	Sở Giáo dục và Đào tạo Khánh Hòa
58	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Thuận
60	Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Thuận
62	Sở Giáo dục và Đào tạo Kon Tum
64	Sở Giáo dục và Đào tạo Gia Lai
66	Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk
67	Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông
68	Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng
70	Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Phước
72	Sở Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh
74	Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Dương
75	Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Nai
77	Sở Giáo dục và Đào tạo Bà Rịa - Vũng Tàu
79	Sở Giáo dục và Đào tạo Hồ Chí Minh
80	Sở Giáo dục và Đào tạo Long An
82	Sở Giáo dục và Đào tạo Tiền Giang
83	Sở Giáo dục và Đào tạo Bến Tre
84	Sở Giáo dục và Đào tạo Trà Vinh
86	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Long
87	Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Tháp
89	Sở Giáo dục và Đào tạo An Giang
91	Sở Giáo dục và Đào tạo Kiên Giang
92	Sở Giáo dục và Đào tạo Cần Thơ
93	Sở Giáo dục và Đào tạo Hậu Giang
94	Sở Giáo dục và Đào tạo Sóc Trăng
95	Sở Giáo dục và Đào tạo Bạc Liêu
96	Sở Giáo dục và Đào tạo Cà Mau

1.2.3. DANH MỤC ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC PHẨM CHẤT CẤP TIỂU HỌC (Theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT)

Mã	Tên
T	Tốt
Đ	Đạt
C	Cần cố gắng

1.2.4. DANH MỤC MỨC ĐẠT ĐƯỢC CẤP TIỂU HỌC
(Theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT)

Mã	Tên
T	Hoàn thành tốt
H	Hoàn thành
C	Chưa hoàn thành

1.2.5. DANH MỤC MÔN HỌC CẤP TIỂU HỌC
(Tên môn theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT)

Mã	Tên
01	Toán
02	Tiếng Việt
03	Đạo đức
04	Tự nhiên và Xã hội
05	Lịch sử và Địa lý
11	Ngoại ngữ 1
12	Tin học và Công nghệ (Tin học)
13	Khoa học
14	Tiếng dân tộc
87	Tin học và Công nghệ (Công nghệ)
88	Giáo dục thể chất
89	Nghệ thuật (Âm nhạc)
90	Nghệ thuật (Mỹ thuật)
91	Hoạt động trải nghiệm

Phụ lục 1.3. HƯỚNG DẪN HÀM MÃ HOÁ DỮ LIỆU TRUYỀN NHẬN

```

/// <summary>
/// Compresses the string.
/// </summary>
/// <param name="text">The text.</param>
/// <returns></returns>
public static string CompressString(string text)
{
    try
    {
        byte[] buffer = Encoding.UTF8.GetBytes(text);
        var memoryStream = new MemoryStream();
        using (var gZipStream = new GZipStream(memoryStream,
            CompressionMode.Compress, true))
        {
            gZipStream.Write(buffer, 0, buffer.Length);
        }

        memoryStream.Position = 0;

        var compressedData = new byte[memoryStream.Length];
        memoryStream.Read(compressedData, 0, compressedData.Length);

        var gZipBuffer = new byte[compressedData.Length + 4];
        Buffer.BlockCopy(compressedData, 0, gZipBuffer, 4, compressedData.Length);
        Buffer.BlockCopy(BitConverter.GetBytes(buffer.Length), 0, gZipBuffer, 0, 4);
        return Convert.ToBase64String(gZipBuffer);
    }
    catch
    {
    }
    return string.Empty;
}

```

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục 3.

*(Kèm theo Công văn số 119/BGDĐT-GDTH ngày 10 tháng 01 năm 2025
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**TÀI LIỆU MÔ TẢ DỊCH VỤ KẾT NỐI DỮ LIỆU
HỆ THỐNG CSDL HỌC BẠ SỐ
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Phiên bản 1.0, tháng 1/2025)**

MỤC LỤC

I. TỔNG QUAN	3
II. CÁC DỊCH VỤ KẾT NỐI	3
1. <i>Danh sách dịch vụ</i>	3
2. <i>Cơ chế kết nối các dịch vụ</i>	4
3. <i>Chi tiết các dịch vụ</i>	4
3.1 Dịch vụ lấy token	4
3.2 Dịch vụ lấy danh mục kiểu chữ ký số.....	5
3.3 Dịch vụ lấy danh mục nhà cung cấp chữ ký số	6
3.4 Đăng ký chứng thư chữ ký số của CSGD.....	7
3.5 Kiểm tra trạng thái phê duyệt chứng thư chữ ký số của CSGD	9
3.6 Gửi báo cáo học bạ số	11
3.7 Kiểm tra trạng thái tiếp nhận học bạ số.....	14
3.8 Gửi yêu cầu thu hồi học bạ.....	16
3.9 Kiểm tra trạng thái xử lý thu hồi học bạ.....	18

THUẬT NGỮ VÀ VIẾT TẮT

Thuật ngữ, từ viết tắt	Giải thích
CSDL	Cơ sở dữ liệu

I. TỔNG QUAN

Tài liệu này mô tả thông điệp dữ liệu phục vụ kết nối, đồng bộ dữ liệu Học bạ số (thí điểm) giữa phần mềm quản trị của nhà trường (đã đáp ứng các yêu cầu triển khai học bạ số của Bộ) với CSDL học bạ số Bộ GDĐT.

II. CÁC DỊCH VỤ KẾT NỐI

1. Danh sách dịch vụ

TT	Dịch vụ	Mã dịch vụ	Mục đích sử dụng
1	Lấy token	00	Dịch vụ tạo token của CSDL Học bạ số sẽ khởi tạo token cho phép thực hiện phiên làm việc giữa phần mềm quản trị nhà trường của cơ sở giáo dục (CSGD) với CSDL học bạ số Bộ GDĐT
2	Lấy danh mục loại chữ ký số	01	Dịch vụ lấy danh sách các loại chữ ký số
3	Lấy danh mục nhà cung cấp chữ ký số	02	Dịch vụ lấy danh sách các nhà cung cấp chữ ký số

TT	Dịch vụ	Mã dịch vụ	Mục đích sử dụng
4	Giao dịch đăng ký chứng thư chữ ký số	03	Sử dụng để CSGD đăng ký chứng thư chữ ký số Bộ GDĐT để quản lý, xác thực giao dịch
5	Giao dịch truy vấn kết quả đăng ký chứng thư chữ ký số	04	Sử dụng để CSGD kiểm tra trạng thái xử lý đăng ký chứng thư chữ ký số
6	Giao dịch gửi yêu cầu nộp báo cáo dữ liệu học bạ số	05	Sử dụng để đóng gói dữ liệu học bạ số từ CSGD gửi lên CSDL học bạ số Bộ GDĐT.
7	Giao dịch truy vấn kết quả phát hành học bạ số	06	Dùng để kiểm tra trạng thái xử lý của yêu cầu nộp phát hành học bạ số.
8	Giao dịch gửi yêu cầu thu hồi dữ liệu học bạ số	07	Sử dụng để CSGD gửi yêu cầu thu hồi dữ liệu học bạ số lên CSDL học bạ số Bộ GDĐT
9	Giao dịch truy vấn kết quả thu hồi dữ liệu học bạ số	08	Dùng để kiểm tra trạng thái xử lý của yêu cầu yêu cầu thu hồi dữ liệu học bạ số

2. Cơ chế kết nối các dịch vụ

- Sử dụng cơ chế kết nối qua các giao thức Rest Service
- Cấu trúc bản tin trao đổi theo định dạng Http Request
- Tất cả các API sử dụng Method POST
- Trước khi kết nối dịch vụ, các CSGD cần thực hiện khai báo IP hệ thống với Cục CNTT để mở quyền kết nối.
- Mỗi CSGD sẽ được cấp tài khoản/mật khẩu dùng để xác thực kết nối các API.

3. Chi tiết các dịch vụ

3.1 Dịch vụ lấy token

Dịch vụ tạo token sẽ khởi tạo token cho phép thực hiện phiên làm việc giữa phần mềm quản trị nhà trường của CSGD với CSDL học bạ số Bộ GDĐT.

- Đặc tả đầu vào API:

Tham số	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc
---------	-------	--------------	-----------

user_name	Tên tài khoản đồng bộ ứng với tài khoản của Sở giáo dục được cấp. Mỗi sở giáo dục được cấp duy nhất 1 tài khoản	String	Bắt buộc
password	Mật khẩu tài khoản được cấp	String	Bắt buộc

- Đặc tả đầu ra API:

Tham số	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc
access_token	Key token trả về	String	Bắt buộc
Issued_On	Thời gian tạo token	Datetime	Bắt buộc
Expires_On	Thời gian hết hạn token	Datetime	Bắt buộc

- Chi tiết dịch vụ:

Địa chỉ kết nối	
URL	[BaseUrl]/AuthToken/GetAuthToken
Request header	
Content-Type	application/json
Authorization	
Request Body	
Body	<pre>{ "user_name": "01", "password": "*****" }</pre>
Response Body	
Body	<pre>{ "access_token": "e5f2a7c7-1791-4d92-b240-d7ae416b54be-638469794625130000", "Issued_On": "2024-03-25T16:04:22.513", "Expires_On": "2024-04-24T16:31:34.06" }</pre>

3.2 Dịch vụ lấy danh mục kiểu chữ ký số

- Đặc tả đầu vào API: Không cần truyền dữ liệu tham số đầu vào
- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	MA	String	Mã của kiểu chữ ký số
2	TEN	String (50)	Tên kiểu chữ ký số
3	THU_TU	Number	Thứ tự hiển thị

- Chi tiết dịch vụ:

Địa chỉ kết nối	
URL	[BaseUrl]/DanhMuc/GetDMKieuChuKy
Request header	
Content-Type	application/json
Authorization	
Request Body	
Body	
Response Body	
Body	<pre>[{ "MA": "REMOTE_SIGNING", "TEN": "REMOTE SIGNING", "THU_TU": 0 }, { "MA": "USB_TOKEN", "TEN": "USB TOKEN", "THU_TU": 0 }]</pre>

3.3 Dịch vụ lấy danh mục nhà cung cấp chữ ký số

- Đặc tả đầu vào API: Không cần truyền dữ liệu tham số đầu vào
- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	MA	String	Mã của nhà cung cấp chữ ký số
2	TEN	String (50)	Tên nhà cung cấp chữ ký số
3	THU_TU	Number	Thứ tự hiển thị

- Chi tiết dịch vụ:

Địa chỉ kết nối	
URL	[BaseUrl]/DanhMuc/GetDMNhaPhatHanh
Request header	
Content-Type	application/json
Authorization	
Request Body	
Body	
Response Body	
Body	<pre>[{ "MA": "BAN_CO_YEU", "TEN": "Ban Cơ Yếu Chính Phủ", "THU_TU": 1 }, { "MA": "VIETTEL", "TEN": "VIETTEL CA - RS", "THU_TU": 1 }]</pre>

3.4 Đăng ký chứng thư chữ ký số của CSGD

- Đặc tả đầu vào API:

Tham số	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc
Thông tin của đơn vị giao dịch được bao trong object {authenticationRequest}. Chi tiết như sau:			
token	Đoạn mã bảo mật để xác thực phiên giao dịch	String	Bắt buộc
user_name	Thông tin tài khoản của CSGD được cấp	String	Bắt buộc
password	Mật khẩu của đơn vị (sử dụng hàm băm SHA256)	String	Bắt buộc
ma_don_vi	Mã đơn vị chính là mã CSGD được cấp bởi Bộ GDĐT	String	Bắt buộc
nam_hoc	Năm học	Number	Bắt buộc
messageid	Message ID, dùng để đối soát trạng thái của gói tin truyền lên. Khi gửi 1 gói tin mới lên sẽ để trống Message ID, API sẽ tự cấp Message ID.	String	Bắt buộc
type	Loại gói tin: DANG_KY_SERIAL	String	Bắt buộc

Tham số	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc
function	Mã chức năng: 00	String	Bắt buộc
Thông tin chứng thư chữ ký số được nén và đóng gói trong tham số “content”. Chi tiết như sau:			
content	Đoạn chuỗi mã hoá dữ liệu thông tin chứng thư chữ ký số kèm theo chữ ký số của đơn vị đăng ký . Chuyển đổi model envelope request gói tin sang định dạng XML. CompressString trước khi gửi.	String	Bắt buộc

Ví dụ minh hoạ về cấu trúc Model Envelope Request định dạng XML trước khi được mã hoá.



- Đặc tả đầu ra API:

Tham số	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc
MessageId	ID gói tin, dùng để đối soát trạng thái của gói tin truyền lên.	String	Bắt buộc
Error	Mã lỗi	String	Bắt buộc
ErrorDescription	Tiêu đề mã lỗi	String	Bắt buộc
ResponseCode	Mã phản hồi	String	Bắt buộc
ResponseDescription	Chi tiết phản hồi	String	Bắt buộc

- Chi tiết dịch vụ:

Địa chỉ kết nối	
URL	[BaseUrl]/MoetService/TiepNhanGoiTin
Request header	
Content-Type	application/json
Authorization	Token {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
Request Body	
Body	<pre>{ "authenticationRequest": { "token": "e5f2a7c7-1791-4d92-b240-d7ae416b54be",</pre>

	<pre> "user_name": "01", "password": "*****", "ma_don_vi": "01004422", "cap_hoc": "02", "nam_hoc": 2023, "messageid": "", "type": "DANG_KY_SERIAL", "function": "00" }, "content": "dsnsgjfdnajoknwewitrt23423jndsvj" }</pre>
Response Body	
Body	<pre> { "Header": { "MessageId": "e5f2a7c7-1791-4d92-b240-d7ae416b54be" }, "Body": { "Result": { "Error": "000-000", "ErrorDescription": "Không có lỗi", "ResponseCode": "000-101", "ResponseDescription": "Đang chờ xử lý", "Items": { "Item": [] } } } }</pre>

3.5 Kiểm tra trạng thái phê duyệt chứng thư chữ ký số của CSGD

- Đặc tả đầu vào API:

Tham số	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc
Thông tin của đơn vị giao dịch được bao trong object {authenticationRequest}. Chi tiết như sau:			
token	Đoạn mã bảo mật để xác thực phiên giao dịch	String	Bắt buộc
user_name	Thông tin tài khoản của CSGD được cấp	String	Bắt buộc
password	Mật khẩu của đơn vị (sử dụng hàm băm SHA256)	String	Bắt buộc
ma_don_vi	Mã đơn vị chính là mã CSGD được cấp bởi Bộ GDĐT	String	Bắt buộc
nam_hoc	Năm học	Number	Bắt buộc
messageid	Message ID được trả về trong response của API đăng ký chứng thư chữ ký số	String	Bắt buộc
type	Loại gói tin: DANG_KY_SERIAL	String	Bắt buộc

Tham số	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc
function	Mã chức năng: 100	String	Bắt buộc
Thông tin dữ liệu học bạ số được nén và đóng gói trong tham số “content”. Chi tiết như sau:			
content	API hỏi trạng thái thì truyền content rỗng	String	Bắt buộc

- Đặc tả đầu ra API:

Tham số	Kiểu dữ liệu	Kiểu dữ liệu
Error	string	Mã lỗi trả về
error_description	string	Mã lỗi chi tiết
CLIENT_ID	string	ID của bản ghi đơn vị gửi lên
ma_don_vi	string	Mã đơn vị
serial_number	string	Serial number
trang_thai_phe_duyet	string	Trạng thái phê duyệt (1: Phê duyệt, 0: Từ chối)

- Chi tiết dịch vụ:

Địa chỉ kết nối	
URL	[BaseUrl]/MoetService/TiepNhanGoiTin
Request header	
Content-Type	application/json
Authorization	Token {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
Request Body	
Body	<pre>{ "authenticationRequest": { "token": "e5f2a7c7-1791-4d92-b240-d7ae416b54be", "user_name": "01", "password": "*****", "ma_don_vi": "01004422", "cap_hoc": "02", "nam_hoc": 2023, "messageid": "", "type": "DANG_KY_SERIAL", "function": "100" } }</pre>

	<pre> }, "content": "" } </pre>
Response Body	
Body	<pre> { "Header": { "MessageId": "e5f2a7c7-1791-4d92-b240-d7ae416b54be" }, "Body": { "Result": { "Error": "000-000", "ErrorDescription": "Không có lỗi", "ResponseCode": "000-102", "ResponseDescription": "Đã xử lý thành công", "Items": { "Item": [{ "CLIENT_ID": "110", "Error": "000-000", "error_field_title": "", "error_description": "Không có lỗi", "ma_don_vi": "01", "serial_number": "540101012cb166cb1dbf5affe0a7a408", "trang_thai_phe_duyet": "1" }] } } } } </pre>

3.6 Gửi báo cáo học bạ số

- Đặc tả đầu vào API:

Tham số	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc
Thông tin của đơn vị giao dịch được bao trong object {authenticationRequest}. Chi tiết như sau:			
token	Đoạn mã bảo mật để xác thực phiên giao dịch	String	Bắt buộc
user_name	Thông tin tài khoản của CSGD được cấp	String	Bắt buộc
password	Mật khẩu của đơn vị (sử dụng hàm băm SHA256)	String	Bắt buộc
ma_don_vi	Mã đơn vị chính là mã CSGD được cấp bởi Bộ GDĐT	String	Bắt buộc
nam_hoc	Năm học	Number	Bắt buộc
messageid	Message ID, dùng để đối soát trạng thái của gói tin truyền lên.	String	Bắt buộc

Tham số	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc
	Khi gửi 1 gói tin mới lên sẽ để trống Message ID, API sẽ tự cấp Message ID.		
type	Loại gói tin: PHAT_HANH_HOC_BA_SO_C1	String	Bắt buộc
function	Mã chức năng: 00	String	Bắt buộc
Thông tin dữ liệu học bạ số được nén và đóng gói trong tham số “content”. Chi tiết như sau:			
content	Đoạn chuỗi mã hoá dữ liệu học bạ số. Chuyển đổi model envelope request gói tin sang định dạng XML. CompressString trước khi gửi.	String	Bắt buộc

Ví dụ minh hoạ về cấu trúc Model Envelope Request định dạng XML trước khi được mã hoá.



- Đặc tả đầu ra API:

Tham số	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc
MessageId	ID gói tin, dùng để đối soát trạng thái của gói tin truyền lên.	String	Bắt buộc
Error	Mã lỗi	String	Bắt buộc
ErrorDescription	Tiêu đề mã lỗi	String	Bắt buộc
ResponseCode	Mã phản hồi	String	Bắt buộc
ResponseDescription	Chi tiết phản hồi	String	Bắt buộc

- Chi tiết dịch vụ:

Địa chỉ kết nối	
URL	[BaseUrl]/MoetService/TiepNhanGoiTin
Request header	
Content-Type	application/json
Authorization	Token {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
Request Body	

Body	<pre> { "authenticationRequest": { "token": "e5f2a7c7-1791-4d92-b240-d7ae416b54be", "user_name": "01", "password": "*****", "ma_don_vi": "01004422", "cap_hoc": "02", "nam_hoc": 2023, "messageid": "", "type": "PHAT_HANH_HOC_BA_SO_C1", "function": "00" }, "content": "dsnsqjfdnajoknwewitrt23423jndsvj" } </pre>
Response Body	
Body	<pre> { "Header": { "MessageId": "48491401a3fd8ac7-9c8c-4635-acd2-b402f8fedf8a" }, "Body": { "Result": { "Error": "000-000", "ErrorDescription": "Không có lỗi", "ResponseCode": "000-101", "ResponseDescription": "Đang chờ xử lý", "Items": { "Item": [] } } } } </pre>

3.7 Kiểm tra trạng thái tiếp nhận học bạ số

- Đặc tả đầu vào API:

Tham số	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc
Thông tin của đơn vị giao dịch được bao trong object {authenticationRequest}. Chi tiết như sau:			
token	Đoạn mã bảo mật để xác thực phiên giao dịch	String	Bắt buộc
user_name	Thông tin tài khoản của CSGD được cấp	String	Bắt buộc
password	Mật khẩu của đơn vị (sử dụng hàm băm SHA256)	String	Bắt buộc
ma_don_vi	Mã đơn vị chính là mã CSGD được cấp bởi Bộ GDĐT	String	Bắt buộc
nam_hoc	Năm học	Number	Bắt buộc
messageid	Message ID, dùng để đối soát trạng thái của gói tin truyền lên. Khi gửi 1 gói tin mới lên sẽ để trống Message ID, API sẽ tự cấp Message ID.	String	Bắt buộc
type	Loại gói tin: PHAT_HANH_HOC_BA_SO_C1	String	Bắt buộc
function	Mã chức năng: 100	String	Bắt buộc
Thông tin dữ liệu học bạ số được nén và đóng gói trong tham số “content”. Chi tiết như sau:			
content	API hỏi trạng thái thì truyền content rỗng.	String	Bắt buộc

- Đặc tả đầu ra API:

Tham số	Kiểu dữ liệu	Kiểu dữ liệu
Error	string	Mã lỗi trả về
error_description	string	Mã lỗi chi tiết
CLIENT_ID	string	ID của bản ghi đơn vị gửi lên
ma_hoc_sinh	string	Mã học sinh
ten_hoc_sinh	string	Tên học sinh
so_cccd	string	Số căn cước công dân
trang_thai	string	Trạng thái phê duyệt học bạ số (1: Phê duyệt, 0: Từ chối)
ma_dinh_danh_hoc_ba	string	Mã định danh học bạ UUID

Tham số	Kiểu dữ liệu	Kiểu dữ liệu

- Chi tiết dịch vụ:

Địa chỉ kết nối	
URL	[BaseUrl]/MoetService/TiepNhanGoiTin
Request header	
Content-Type	application/json
Authorization	Token {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
Request Body	
Body	<pre>{ "authenticationRequest": { "token": "e5f2a7c7-1791-4d92-b240-d7ae416b54be", "user_name": "01", "password": "*****", "ma_don_vi": "01004422", "cap_hoc": "02", "nam_hoc": 2023, "messageid": "", "type": "PHAT_HANH_HOC_BA_SO_C1", "function": "100" }, "content": "" }</pre>
Response Body	
Body	<pre>{ "Header": { "MessageId": "e5f2a7c7-1791-4d92-b240-d7ae416b54be", }, "Body": { "Result": { "Error": "000-000", "ErrorDescription": "Không có lỗi", "ResponseCode": "000-102", "ResponseDescription": "Đã xử lý thành công", "Items": { "Item": [{ "CLIENT_ID": null, "ma_hoc_sinh": "4847679167", "ten_hoc_sinh": "Trương Phương Anh", "so_cccd": null, "trang_thai": "1", "ma_dinh_danh_hoc_ba": "7c071816-e15d-4aea-8946-32e06f1642ad", "Error": "000-000", </pre>

	<pre> "error_description": "" }] } } </pre>
--	--

3.8 Gửi yêu cầu thu hồi học bạ

- Đặc tả đầu vào API:

Tham số	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc
Thông tin của đơn vị giao dịch được bao trong object {authenticationRequest}. Chi tiết như sau:			
token	Đoạn mã bảo mật để xác thực phiên giao dịch	String	Bắt buộc
user_name	Thông tin tài khoản của CSGD được cấp	String	Bắt buộc
password	Mật khẩu của đơn vị (sử dụng hàm băm SHA256)	String	Bắt buộc
ma_don_vi	Mã đơn vị chính là mã CSGD được cấp bởi Bộ GDĐT	String	Bắt buộc
nam_hoc	Năm học	Number	Bắt buộc
messageid	Message ID, dùng để đối soát trạng thái của gói tin truyền lên. Khi gửi 1 gói tin mới lên sẽ để trống Message ID, API sẽ tự cấp Message ID.	String	Bắt buộc
type	Loại gói tin: THU_HOI_HOC_BA_SO	String	Bắt buộc
function	Mã chức năng: 00	String	Bắt buộc
Thông tin học bạ số cần thu hồi được nén và đóng gói trong tham số “content”. Chi tiết như sau:			
content	Đoạn chuỗi mã hoá thông tin học bạ số cần thu hồi. Chuyển đổi model envelope request gói tin sang định dạng XML. CompressString trước khi gửi.	String	Bắt buộc

Ví dụ minh hoạ về cấu trúc Model Envelope Request định dạng XML trước khi được mã hoá.



- Đặc tả đầu ra API:

Tham số	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc
MessageId	ID gói tin, dùng để đối soát trạng thái của gói tin truyền lên.	String	Bắt buộc
Error	Mã lỗi	String	Bắt buộc
ErrorDescription	Tiêu đề mã lỗi	String	Bắt buộc
ResponseCode	Mã phản hồi	String	Bắt buộc
ResponseDescription	Chi tiết phản hồi	String	Bắt buộc

- Chi tiết dịch vụ:

Địa chỉ kết nối	
URL	[BaseUrl]/MoetService/TiepNhanGoiTin
Request header	
Content-Type	application/json
Authorization	Token {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
Request Body	
Body	<pre>{ "authenticationRequest": { "token": "e5f2a7c7-1791-4d92-b240-d7ae416b54be", "user_name": "01", "password": "*****", "ma_don_vi": "01004422", "cap_hoc": "02", "nam_hoc": 2023, "messageid": "", "type": "THU_HOI_HOC_BA_SO", "function": "00" }, "content": "dsnsjgfdnajokjwewitrt23423jndsvj" }</pre>
Response Body	
Body	<pre>{ "Header": { "MessageId": "e5f2a7c7-1791-4d92-b240-d7ae416b54be" }, "Body": { "Result": { "Error": "000-000", "ErrorDescription": "Không có lỗi", "ResponseCode": "000-101", "ResponseDescription": "Đang chờ xử lý", "Items": {</pre>

	<pre> "Item": [] } } } } </pre>
--	---

3.9 Kiểm tra trạng thái xử lý thu hồi học bạ

- Đặc tả đầu vào API:

Tham số	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc
Thông tin của đơn vị giao dịch được bao trong object {authenticationRequest}. Chi tiết như sau:			
token	Đoạn mã bảo mật để xác thực phiên giao dịch	String	Bắt buộc
user_name	Thông tin tài khoản của CSGD được cấp	String	Bắt buộc
password	Mật khẩu của đơn vị (sử dụng hàm băm SHA256)	String	Bắt buộc
ma_don_vi	Mã đơn vị chính là mã CSGD được cấp bởi Bộ GDĐT	String	Bắt buộc
nam_hoc	Năm học	Number	Bắt buộc
messageid	Message ID, dùng để đối soát trạng thái của gói tin truyền lên. Khi gửi 1 gói tin mới lên sẽ để trống Message ID, API sẽ tự cấp Message ID.	String	Bắt buộc
type	Loại gói tin: THU_HOI_HOC_BA_SO	String	Bắt buộc
function	Mã chức năng: 100	String	Bắt buộc
Thông tin dữ liệu học bạ số được nén và đóng gói trong tham số “content”. Chi tiết như sau:			
content	API hỏi trạng thái thì truyền content rỗng.	String	Bắt buộc

- Đặc tả đầu ra API:

Tham số	Kiểu dữ liệu	Kiểu dữ liệu
Error	string	Mã lỗi trả về
error_description	string	Mã lỗi chi tiết
CLIENT_ID	string	ID của bản ghi đơn vị gửi lên
ma_hoc_sinh	string	Mã học sinh
ten_hoc_sinh	string	Tên học sinh

Tham số	Kiểu dữ liệu	Kiểu dữ liệu
so_cccd	string	Số căn cước công dân
trang_thai	string	Trạng thái thu hồi học bạ số (1: Chờ xử lý, 2: Đồng ý thu hồi, 3: Từ chối thu hồi)
ma_dinh_danh_hoc_ba	string	Mã định danh học bạ UUID

- Chi tiết dịch vụ:

Địa chỉ kết nối	
URL	[BaseUrl]/MoetService/TiepNhanGoiTin
Request header	
Content-Type	application/json
Authorization	Token {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
Request Body	
Body	<pre>{ "authenticationRequest": { "token": "e5f2a7c7-1791-4d92-b240-d7ae416b54be", "user_name": "01", "password": "*****", "ma_don_vi": "01004422", "cap_hoc": "02", "nam_hoc": 2023, "messageid": "", "type": "THU_HOI_HOC_BA_SO", "function": "100" }, "content": "" }</pre>
Response Body	
Body	<pre>{ "Header": { "MessageId": "e5f2a7c7-1791-4d92-b240-d7ae416b54be" }, "Body": { "Result": { "Error": "000-000", "ErrorDescription": "Không có lỗi", "ResponseCode": "000-102", "ResponseDescription": "Đã xử lý thành công", "Items": { "Item": [{ </pre>

	<pre>"CLIENT_ID": null, "ma_hoc_sinh": "0132102192", "ten_hoc_sinh": "Nguyễn Công Đăng", "so_cccd": null, "trang_thai": "2", "ma_dinh_danh_hoc_ba": "cf460298-d896-4860-9dde-2ade13f55be2", "Error": "000-000", "error_field_title": "", "error_description": "Không có lỗi" }] } } }</pre>
--	--